

Số: /TB-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp tại Bản Công bố số 4868/BCB-BVVT ngày 03/12/2025 và đối chiếu với các quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành như sau:

1. Tên cơ sở được công bố: **BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP**

2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

2.1. Cơ sở 1:

- Số giấy phép hoạt động: 07/2014/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 28/07/2025.

- Địa chỉ: Số 1, Nhà Thương, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2.2. Cơ sở 2:

- Số giấy phép hoạt động: 000263/HP-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 28/07/2025.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

3. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Quyết định số 253/QĐ-SYT ngày 15/03/2016 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; số 1326/QĐ-SYT ngày 13/11/2019; số 1372/QĐ-SYT ngày 18/09/2020; số 613/QĐ-SYT ngày 26/05/2021; số 652/QĐ-SYT ngày 20/06/2022; số 676/QĐ-SYT ngày 22/06/2022; số 736/QĐ-SYT ngày 08/07/2023; số 1658/QĐ-SYT ngày 27/12/2023; số 588/QĐ-SYT ngày 26/06/2024; số 810/QĐ-SYT ngày 06/08/2024 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp và Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp (cơ sở An Đồng).

4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn:

- Cơ sở 1: Tiến sĩ. Bác sĩ. Đỗ Mạnh Thắng - Giám đốc Bệnh viện.
- Cơ sở 2: Tiến sĩ. Bác sĩ. Nguyễn Thế May - Phó Giám đốc Bệnh viện.

5. Điện thoại: 0225.3700436.

6. Chức danh được hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học dự phòng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;
- Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề hộ sinh;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng;
- Chức danh Dinh dưỡng lâm sàng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ung bướu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai Mũi Họng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện Quang (CĐHA);
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Huyết học-Truyền máu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hóa sinh;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Vi sinh-Ký sinh trùng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh và tế bào học;

- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ.

7. Danh sách người hướng dẫn thực hành và số lượng thực hành theo hồ sơ cơ sở công bố.

8. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở được tổ chức hướng dẫn thực hành khám chữa bệnh với các chức danh được công bố. Trong quá trình thực hiện đề nghị đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, các quy định có liên quan và Công văn số 2660/SYT-TCCB ngày 25/7/2024 của Sở Y tế Hải Phòng. Trường hợp cơ sở không thực hiện đúng quy định đảm bảo hướng dẫn thực hành, Sở Y tế tiến hành thu hồi Bản công bố và không công nhận kết quả thực hành.

b) Nếu có sự thay đổi nội dung so với hồ sơ công bố thì cơ sở gửi hồ sơ về Sở Y tế để tiến hành công bố lại;

c) Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục, nội dung và các điều kiện để hướng dẫn thực hành đảm bảo theo quy định;

d) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện; Thông báo này thay thế Thông báo số 158/TB-SYT ngày 06/6/2025 của Sở Y tế)./.

Nơi nhận:

- GD và PGD SYT;
- BV HNVT;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Cổng TTĐT SYT(đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quốc Trinh

Số: /BCB-BVVT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

Số giấy phép hoạt động:

- Cơ sở 1: Số giấy phép hoạt động: 07/2014/HP-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 28/07/2025

- Cơ sở 2: Số giấy phép hoạt động: 000263/HP-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế Thành phố Hải Phòng ngày 28/07/2025

Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Số 1 Nhà Thương, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

- Cơ sở 2: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, Thành phố Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn:

- Cơ sở 1: TS.BS Đỗ Mạnh Thắng - Giám đốc Bệnh viện

- Cơ sở 2: TS.BS Nguyễn Thế May - Phó Giám đốc Bệnh viện

Điện thoại liên hệ: 0225.3.700.436

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học dự phòng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mát;
- Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;
- Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề hộ sinh;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền;

- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng;
- Chức danh Dinh dưỡng lâm sàng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ung bướu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai Mũi Họng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện Quang (CDHA);
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Huyết học-Truyền máu;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hóa sinh;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Vi sinh-Ký sinh trùng;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh và tế bào học;
- Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Theo Phụ lục 1)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:

Ký Hợp đồng với Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng với nội dung : Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Tâm thần.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Theo phụ lục 2)

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: (Theo phụ lục 2)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- P.TCCB SYT
- Lưu: VT, TTĐTCĐT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Mạnh Thắng

Phụ lục 1
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TRONG CÙNG MỘT THỜI ĐIỂM
(Kèm theo Bản công bố số: /BCB-BVVT ngày / / 2025)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1.	Bùi Văn Tám	02/6/1978	Trưởng khoa HSTC Nội & CD	Bác sĩ CKII	001389/HP-CCHN Ngày 10/01/2013	Nội tổng hợp, Hồi sức cấp cứu	BS CK Hồi sức cấp cứu & chống độc; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Ys Đa khoa; Ys YHCT; Hộ sinh; KTY hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
2.	Phạm Tuấn Đức	21/6/1978	Phó Trưởng khoa HSTC Nội & CD	Thạc sĩ-Bác sĩ	001390/HP-CCHN Ngày 10/01/2013	Nội tổng hợp,Hồi sức cấp cứu	
3.	Trương Anh Minh	06/01/1984	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	004250/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Hồi sức cấp cứu	
4.	Lê Bá Long	28/12/1977	Trưởng khoa HSTC ngoại	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	003823/HP-CCHN Ngày 10/02/2014	Hồi sức cấp cứu	
5.	Lưu Thị Thanh Duyên	30/8/1980	Phó Trưởng khoa HSTC ngoại	Tiến sĩ-Bác sĩ	003804/HP-CCHN Ngày 10/02/2014	Nội khoa, HS cấp cứu	
6.	Đặng Thị Thanh Hà	25/5/1981	Phó Trưởng khoa HSTC ngoại	Bác sĩ	004239/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Hồi sức cấp cứu	
7.	Nguyễn Anh Tuấn	6/9/1983	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	004233/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Hồi sức cấp cứu	
8.	Nguyễn Công Lượng	05/11/1987	Nhân viên	Bác sĩ	008742/HP-CCHN Ngày 29/01/2021	Hồi sức cấp cứu	
9.	Trần Xuân Tùng	5/5/1981	Phó Trưởng khoa HSTC theo YC	Thạc sĩ-Bác sĩ	008222/HP-CCHN Ngày 26/11/2015	Hồi sức cấp cứu	
10.	Nguyễn Thắng Toàn	24/12/1955	Cố vấn chuyên môn	Tiến sĩ-Bác sĩ	003825/HP-CCHN Ngày 10/02/2014	Hồi sức cấp cứu	
11.	Đặng Quang Chung	16/12/1980	Trưởng khoa HSTC CS An Đông	Thạc sĩ-Bác sĩ	005713/HP-CCHN 18/05/2014	Hồi sức cấp cứu	
12.	Đoàn Mai Ka	14/11/1980	Phó Trưởng khoa HSTC CS An Đông	Bác sĩ CKI	005892/HP-CCHN 02/06/2014	Nội khoa,Hồi sức cấp cứu	
13.	Trương Minh Hải	19/5/1968	Trưởng khoa Cấp cứu	Bác sĩ CKII	004556/HP-CCHN Ngày 05/03/2014	Hồi sức cấp cứu	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
14.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	09/3/1981	Phó Trưởng khoa Cấp cứu	Bác sĩ CKII	003476/HP-CCHN Ngày 02/01/2014	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	BS CK Hồi sức cấp cứu & chống độc; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Ys Đa khoa; Ys YHCT; Hộ sinh; KTY hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
15.	Vương Thị Thu Hiền	09/7/1987	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	005936/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	
16.	Đặng Duy Nhất	01/01/1973	Phó trưởng khoa BNĐ An Đông	Bác sĩ CKII	0015590/HP-CCHN Ngày 22/01/2014	Hồi sức cấp cứu	
17.	Lê Anh Tuấn	25/12/1985	Nhân viên khoa PT tạo hình- thẩm mỹ	Bác sĩ CKI	006800/HP-CCHN Ngày 15/01/2015	HSCC, TMH	
18.	Phạm Thị Hoài Thanh	22/10/1979	Trưởng khoa Nội TH cơ sở An Đông	Bác sĩ CKII	003810/HP-CCHN 10/02/2014	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	
19.	Ngô Thị Diệu Thủy	15/2/1982	Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp Cs An Đông	Bác sĩ CKI	003806/HP-CCHN 10/02/2014	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	
20.	Phạm An Khang	01/7/1973	Phó Trưởng khoa HSTC Nội & CD	Bác sĩ CKII	001708/HP-CCHN Ngày 29/05/2013	Nội tổng hợp, CDHA	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Ys Đa khoa; Ys YHCT; Hộ sinh; KTY hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
21.	Nguyễn Thị Ngà	08/02/1984	Nhân viên	Bác sĩ CKI	004500/HP-CCHN Ngày 03/03/2014	Nội khoa	
22.	Lê Thị Mỹ	13/8/1992	Nhân viên	Bác sĩ	011121/HP-CCHN Ngày 02/08/2019	Nội khoa	
23.	Phạm Thị Quỳnh	24/4/1992	Nhân viên	Bác sĩ	010907/HP-CCHN Ngày 29/03/2019	Nội khoa	
24.	Nguyễn Bình Giang	16/11/1991	Nhân viên	Bác sĩ	011879/HP-CCHN Ngày 31/08/2020	Nội khoa	
25.	Đỗ Thanh Phương	24/01/1991	Nhân viên	Bác sĩ	010913/HP-CCHN Ngày 05/04/2019	Nội khoa	
26.	Bùi Duy Luận	21/7/1992	Nhân viên	Bác sĩ	010665/HP-CCHN Ngày 01/10/2018	Nội khoa	
27.	Nguyễn Mạnh Dũng	02/11/1994	Nhân viên	Bác sĩ Định hướng CK HSCC	0007801/QNI-CCHN 29/03/2021	Nội khoa	
28.	Phạm Tuấn Anh	05/02/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012354/HP-CCHN Ngày 19/07/2021	Nội khoa	
29.	Lương Duy Thịnh	11/12/1994	Nhân viên khoa HSTC ngoại	Thạc sĩ HSCC	011387/HP-CCHN Ngày 10/03/2020	Nội khoa	
30.	Trần Thị Mận	15/08/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011404/HP-CCHN Ngày 10/03/2020	Nội khoa	
31.	Phạm Văn Duy	30/12/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012287/HP-CCHN Ngày 10/06/2021	Nội khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
32.	Phạm Anh Đức	29/10/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012298/HP-CCHN Ngày 25/06/2021	Nội khoa	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Ys Đa khoa; Ys YHCT; Hộ sinh; KTY hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
33.	Nguyễn Anh Tú	02/02/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012295/HP-CCHN Ngày 10/06/2021	Nội khoa	
34.	Lương Minh Đạo	17/9/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012282/HP-CCHN Ngày 10/06/2021	Nội khoa	
35.	Phạm Văn Hàn	17/5/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012915/HP-CCHN 07/11/2022	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội	
36.	Nguyễn Văn Lữ	17/8/1975	Trưởng khoa HSTC theo YC	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII HSCC	003808/HP-CCHN Ngày 10/02/2014	Nội khoa	
37.	Trần Văn Tân	9/10/1989	Phó Trưởng khoa HSTC theo YC	Thạc sĩ-Bác sĩ	007452/HP-CCHN Ngày 15/10/2015	Nội khoa	
38.	Trần Đức Thắng	25/6/1974	Nhân viên	Bác sĩ CKI	005933/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Nội khoa	
39.	Nguyễn Thị Huệ	11/02/1995	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	012016/HP-CCHN Ngày 01/04/2021	Nội khoa	
40.	Trần Văn Toàn	12/5/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011218/HP-CCHN Ngày 30/10/2019	Nội khoa	
41.	Dương Thị Mai Anh	18/03/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012039/HP-CCHN Ngày 27/11/2020	Nội khoa	
42.	Đỗ Thị Lan Hương	13/11/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012570/HP-CCHN 18/05/2022	KB,CB chuyên khoa Nội	
43.	Trần Văn Giáp	15/01/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012824/HP-CCHN 29/08/2022	KB,CB chuyên khoa Nội	
44.	Đồng Văn Tuyền	30/8/1993	Nhân viên	Bác sĩ	0005583/PT-CCHN 31/05/2019	KB,CB đa khoa	
45.	Vũ Xuân Hải	23/11/1983	Nhân viên khoa HSTC An đông	Bác sĩ CKI	010864/HP-CCHN 04/03/2019	Nội khoa	
46.	Bùi Văn Hương	11/7/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012477/HP-CCHN 18/02/2022	KB,CB chuyên khoa Nội	
47.	Nguyễn Thu Hoài	20/4/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012931/HP-CCHN 21/11/2022	CK Nội	
48.	Nguyễn Quốc Nam	30/11/1975	Nhân viên khoa Cấp cứu	Bác sĩ CKII	000189/HP-CCHN Ngày 15/06/2012	Nội khoa	
49.	Tạ Việt Tiến	3/11/1972	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008223/HP-CCHN Ngày 26/11/2015	Nội khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
50.	Nguyễn Thị Thủy	3/10/1976	Nhân viên	Bác sĩ CKI HSCC	005103/BYT- CCHN Ngày 18/06/2013	Nội tổng hợp	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; BS RHM; Ys Đa khoa; Ys YHCT; Hộ sinh; KTY hình ảnh y học; KTY Xét nghiệm y học; KTY Phục hồi chức năng
51.	Hoàng Thị Vân	21/05/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011382/HP-CCHN Ngày 10/03/2020	Nội khoa	
52.	Nguyễn Thị Diễm My	20/10/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012800/HP-CCHN 12/08/2022	Nội khoa	
53.	Nguyễn Thị Huế	06/3/1992	Nhân viên	Bác sĩ	011044/HP-CCHN 18/06/2019	Nội khoa	
54.	Nguyễn Văn Đại	28/7/1984	Trưởng khoa Cấp cứu cơ sở An Đồng	Tiến sĩ-Bác sĩ CC Cấp cứu cơ bản	004501/HP-CCHN Ngày 03/03/2014	Nội khoa, Ngoại khoa	
55.	Nguyễn Đức Mạnh	12/9/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012283/HP-CCHN Ngày 10/06/2021	Nội khoa	
56.	Trần Minh Tuấn	23/3/1975	Nhân viên	Bác sĩ CKI	001305/HP-CCHN Ngày 26/12/2012	Nội tổng hợp	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
57.	Vương Đình Cường	08/10/1971	Trưởng khoa Tim mạch	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	003169/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
58.	Bùi Thị Ánh Ngọc	15/7/1980	Phó trưởng khoa Tim mạch	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	003167/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
59.	Nguyễn Thị Hoàn	29/7/1986	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	006256/HP-CCHN Ngày 31/07/2014	Nội khoa	
60.	Vũ Thị Trang	11/10/1980	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	004496/HP-CCHN Ngày 03/03/2014	Nội khoa	
61.	Hoàng Phương Nam	27/10/1984	Nhân viên	Bác sĩ CKII	005891/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Nội khoa	
62.	Lê Quyết Chiến	20/4/1993	Nhân viên	Bác sĩ	010867/HP-CCHN Ngày 04/03/2019	Nội khoa	
63.	Đàm Thị Hương Liên	15/5/1991	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	010921/HP-CCHN Ngày 05/04/2019	Nội khoa	
64.	Tô Lê Hoàng An	04/08/1993	Nhân viên	Bác sĩ	0006997/QNI-CCHN Ngày 03/07/2019	Đa khoa	
65.	Trần Văn Dũng	06/11/1991	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ NT	010861/HP-CCHN Ngày 04/03/2019	Nội khoa	
66.	Bùi Thị Quỳnh	01/7/1982	Trưởng khoa Khám bệnh	Thạc sĩ- BSCKII	004593/HP-CCHN 07/03/2014	Nội khoa	
67.	Nguyễn Thị Hiền	03/01/1977	Nhân viên	Bác sĩ CKII	004552/HP-CCHN 05/03/2014	Nội khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
68.	Đặng Quang Hưng	12/11/1978	Trưởng khoa Can thiệp tim và mạch máu	Thạc sĩ-Bác sĩ	003170/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
69.	Nguyễn Anh Dũng	11/3/1976	Phó Trưởng khoa Can thiệp tim và mạch máu	Bác sĩ CKII	003168/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
70.	Trần Vũ Long	15/7/1982	Nhân viên	Bác sĩ	005939/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Nội khoa	
71.	Phan Thành Hiến	02/02/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011048/HP-CCHN Ngày 18/06/2019	Nội khoa	
72.	Nguyễn Thị Thái	10/10/1991	Nhân viên	Bác sĩ	000070/HP-CCHN Ngày 31/03/2017	Nội khoa	
73.	Phan Thành Tín	11/8/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011047/HP-CCHN Ngày 18/06/2019	Nội khoa	
74.	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	01/11/1989	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008221/HP-CCHN Ngày 26/11/2015	Nội khoa	
75.	Nguyễn Phương Anh	22/8/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012392/HP-CCHN Ngày 20/11/2021	Nội khoa	
76.	Đặng Chiêu Dương	04/5/1979	Trưởng khoa Nội Tiêu hoá	Tiến sĩ – Bác sĩ	000896/HP-CCHN Ngày 15/10/2012	KB,CB Chuyên khoa Nội	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
77.	Hoàng Ánh Dương	26/05/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012299/HP-CCHN Ngày 25/06/2021	Nội khoa	
78.	Vũ Minh Hoàng	26/11/1995	Nhân viên	Bác sĩ	006009/HP-CCHN Ngày 19/07/2021	Nội khoa	
79.	Vũ Công Hoan	09/3/1991	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	009782/HP-CCHN Ngày 01/06/2017	Nội khoa	
80.	Mai Thị Cúc	03/08/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011555/HP-CCHN Ngày 13/05/2020	Nội khoa	
81.	Đỗ Thị Phương Anh	30/06/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011565/HP-CCHN Ngày 31/05/2020	Nội khoa	
82.	Đỗ Thị Chín	06/7/1995	Nhân viên	Bác sĩ	002227/HP-CCHN 19/08/2021	KB, CB chuyên khoa Nội	
83.	Phạm Thị Phương Nam	10/6/1977	Trưởng khoa Nội Hô hấp	Tiến sĩ - Bác sĩ	003161/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
84.	Nguyễn Thành Phương	27/10/1982	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	003162/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa, CĐHA	
85.	Tổng Đức Hiếu	06/5/1986	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	0009983/BYT-CCHN Ngày 02/12/2013	Nội hô hấp	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
86.	Đoàn Văn Linh	22/03/1995	Nhân viên	Bác sĩ	006007/HP-CCHN Ngày 19/07/2021	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
87.	Trần Thị Hiền	15/4/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012317/HP-CCHN Ngày 25/06/2021	Nội khoa	
88.	Lương Đình Hạ	02/11/1984	Trưởng khoa Nội cơ xương khớp	Bác sĩ CKII	004228/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Nội khoa	
89.	Phạm Thị Thanh Thảo	19/11/1985	Phó Trưởng khoa Nội cơ xương khớp	Bác sĩ CKII	003179/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
90.	Cao Thị Kim Thoa	21/02/1992	Nhân viên	Bác sĩ	010324/HP- CCHN Ngày 04/04/2018	Nội khoa	
91.	Lương Thị Liên	14/01/1991	Nhân viên	Bác sĩ	010620/HP-CCHN Ngày 22/08/2018	Nội khoa	
92.	Đào Thị Bích Thủy	28/04/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012241/HP-CCHN Ngày 10/05/2021	KC,CB chuyên khoa Nội	
93.	Nguyễn Thị Thảo	18/08/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012328/HP-CCHN Ngày 09/07/2021	KC,CB chuyên khoa Nội	
94.	Nguyễn Thị Thanh Hương	20/10/1990	Nhân viên	Bác sĩ	010420/HP-CCHN Ngày 25/05/2018	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
95.	Nguyễn Thị Thùy Ngân	27/10/1980	Trưởng khoa Thận – Nội tiết	Thạc sỹ-Bác sĩ CKII	004262/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Nội khoa	
96.	Tô Thị Thu	09/4/1982	Phó trưởng khoa Thận - Nội tiết	Thạc sỹ - Bác sĩ	000140/HP-CCHN Ngày 05/12/2017	Nội khoa	
97.	Nguyễn Văn Tuyết	28/12/1966	Nhân viên	Thạc sỹ - Bác sĩ	005942/HP-CCHN Ngày 06/02/2014	Nội khoa	
98.	Nguyễn Viết Giỏi	13/03/1992	Nhân viên	Bác sĩ	012378/HP-CCHN Ngày 20/04/2021	Nội khoa	
99.	Phạm Tổ Uyên	24/4/1995	Nhân viên	Bác sĩ	006010/HP-CCHN Ngày 19/07/2021	Nội khoa	
100.	Đặng Thị Kim Thanh	08/1/1987	Nhân viên	Thạc sỹ - Bác sĩ	005888/HP-CCHN Ngày 20/06/2014	Nội khoa	
101.	Phạm Quang Khánh	08/12/1992	Nhân viên	Bác sĩ	010279/HP-CCHN Ngày 12/02/2018	Nội khoa	
102.	Hoàng Thị Diễm Hương	16/6/1993	Nhân viên	Thạc sỹ - Bác sĩ	010865/HP-CCHN Ngày 04/03/2019	Nội khoa	
103.	Nguyễn Thúy Quỳnh	05/05/1994	Nhân viên	Thạc sỹ - Bác sĩ	011424/HP-CCHN Ngày 10/03/2020	Nội khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
104.	Nguyễn Hồng Huệ	24/5/1970	Trưởng khoa Nội 4	Bác sĩ CKII	004249/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
105.	Nguyễn Tuấn Lượng	10/01/1982	Phó trưởng khoa Nội 4	Tiến sĩ - Bác sĩ	0027933/BYT-CCHN Ngày 30/11/2015	KB,CB chuyên khoa thần kinh; Nội khoa	
106.	Lê Huy Hoàng	01/01/1989	Phó trưởng khoa Nội 4	Bác sĩ CKII	006287/HP-CCHN Ngày 30/07/2014	Nội khoa	
107.	Vũ Minh Ngọc	04/6/1967	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	001168/HP-CCHN Ngày 23/11/2012	Nội tổng hợp	
108.	Đỗ Tuyết Ngọc	24/9/1981	Nhân viên	Bác sĩ CKI	003157/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
109.	Tổng Thị Loan	02/5/1983	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	002531/HP-CCHN Ngày 27/10/2013	Nội khoa	
110.	Vũ Thị Ninh	05/12/1988	Nhân viên	Thạc sĩ - Bác sĩ	006424/HP-CCHN Ngày 04/09/2014	Nội khoa	
111.	Nguyễn Thế Hùng	28/04/1994	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011430/HP-CCHN Ngày 10/03/2020	Nội khoa	
112.	Chu Thị Như Quỳnh	04/7/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011046/HP-CCHN Ngày 18/06/2019	Nội khoa	
113.	Lê Mỹ Linh	04/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012246/HP-CCHN Ngày 24/05/2021	KB,CB chuyên khoa Nội	
114.	Ngô Anh Thế	22/03/1975	Trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	Tiến sĩ - Bác sĩ	002581/HP-CCHN Ngày 28/10/2013	Nội tổng hợp	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
115.	Đào Trọng Hoàng	19/9/1975	Phó Trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	Thạc sĩ-Bác sĩ	005695/HP-CCHN Ngày 18/05/2014	Nội truyền nhiễm	
116.	Mai Thu Hà	11/7/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012396/HP-CCHN Ngày 20/11/2021	Nội khoa	
117.	Nguyễn Thị Hiếu	26/12/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011042/HP-CCHN Ngày 18/06/2019	Nội khoa	
118.	Vũ Hải Vinh	06/7/1982	Trưởng khoa Bệnh nhiệt đới CS An Đông	PGS. TS	006289/HP-CCHN 30/07/2014	Nội khoa	
119.	Nguyễn Thị Thanh Hương	17/3/1990	Bác sĩ	Thạc sĩ-Bác sĩ	012036/HP-CCHN 27/11/2020	chuyên khoa Nội	
120.	Phạm Văn Nhiên	24/8/1976	Bác sĩ	Bác sĩ	009241/HP-CCHN 15/08/2016	Nội khoa	
121.	Nguyễn Duy Mạnh	23/10/1976	Trưởng khoa Thần kinh	Tiến sĩ - Bác sĩ	001474/HP-CCHN Ngày 28/01/2013	Nội tổng hợp	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
122.	Vũ Thị Tố Uyên	21/7/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	009842/HP-CCHN Ngày 06/07/2017	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
123.	Trần Đăng Hiệp	29/10/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012351/HP-CCHN Ngày 19/07/2021	Nội khoa	
124.	Nguyễn Thị Lê	04/12/1994	Nhân viên	Bác sĩ	006322/HP-CCHN Ngày 05/11/2021	Nội khoa	
125.	Nguyễn Thị Chúc	06/2/1985	Nhân viên	Thạc sĩ- Bác sĩ	009689/HP-CCHN Ngày 22/02/2017	Nội khoa	
126.	Phùng Đức Lâm	07/6/1971	Trưởng khoa Đột quỵ	Tiến sĩ - Bác sĩ	001109/HP-CCHN Ngày 21/11/2012	Nội tổng hợp	
127.	Đặng Việt Hùng	01/01/1979	Phó Trưởng khoa Đột quỵ	Tiến sĩ-Bác sĩ	005941/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Nội khoa	
128.	Đào Bá Dương	08/3/1992	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	010416/HP-CCHN Ngày 25/05/2018	Nội khoa	
129.	Nguyễn Thị Thu Phương	27/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011654/HP-CCHN Ngày 19/06/2020	Nội khoa	
130.	Bùi Văn Dũng	10/7/1993	Nhân viên	Bác sĩ	010941/HP-CCHN Ngày 09/04/2019	Nội khoa	
131.	Phạm Thu Hương	02/02/1982	Trưởng khoa HHMD Lâm sàng	Bác sĩ CKII	004237/HP-CCHN 24/02/2014	Nội khoa, Huyết học truyền máu	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
132.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	13/6/1982	Phó Trưởng khoa HHMD Lâm sàng	Bác sĩ CKI	004245/HP-CCHN 24/02/2014	Khám chữa bệnh Nội khoa, Huyết học truyền máu	
133.	Đỗ Thị Quyên	24/8/1987	Nhân viên	Bác sĩ CKI	005886/HP-CCHN 02/06/2014	Nội khoa, HHTM	
134.	Vũ Thị Nhung	27/1/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008220/HP-CCHN 26/11/2015	Nội khoa; Huyết học truyền máu	
135.	Trần Thị Anh	07/7/1989	Nhân viên	Bác sĩ	008571/HP-CCHN 01/06/2016	Nội khoa; Huyết học truyền máu	
136.	Nguyễn Thị Thúy	06/4/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010971/HP-CCHN 09/05/2019	Nội khoa	
137.	Đàm Thị Thùy Vân	23/9/1991	Nhân viên	Bác sĩ	011214/HP-CCHN 30/10/2019	Nội khoa	
138.	Trần Thị Soan	19/09/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012414/HP-CCHN 15/12/2021	Nội khoa	
139.	Đỗ Thu Hà		Nhân viên khoa Nội tổng hợp CS An Đồng	Bác sĩ	004065/NB-CCHN 02/07/2018	Nội khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
140.	Vương Thị Hương Giang	17/05/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012413/HP-CCHN 15/12/2021	Nội khoa	BS CK Nội khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
141.	Nguyễn Đình Thành	06/5/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012247/HP-CCHN 24/05/2021	Nội khoa	
142.	Lê Thị Quyên		Nhân viên	Bác sĩ	011193/HP-CCHN 16/10/2019	Nội khoa	
143.	Lưu Minh Ly	30/11/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011085/HP-CCHN 12/07/2019	Nội khoa	
144.	Nguyễn Minh Dân	06/10/1994	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011431/HP-CCHN 10/03/2020	Nội khoa	
145.	Nguyễn Quốc Huy	16/11/1973	Phó Trưởng khoa Điều trị theo YC	Bác sĩ CKII	003565/HP-CCHN Ngày 06/01/2014	Nội khoa	
146.	Vũ Thị Mai	4/8/1983	Phó Trưởng khoa Điều trị theo YC	Bác sĩ CKII	003165/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa	
147.	Lê Thị Thom	11/02/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012284/HP-CCHN Ngày 10/06/2021	Nội khoa	
148.	Lê Thị Thu Hường	22/8/1993	Nhân viên TT Ung Bướu-YHHN	Bác sĩ	011007/HP-CCHN Ngày 24/05/2021	Nội khoa	
149.	Nguyễn Thị Hằng	17/6/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012907/HP-CCHN 27/10/2022	Nội khoa	
150.	Đào Thị Diệu	05/04/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011833/HP-CCHN Ngày 12/08/2020	Chuyên khoa Nội	
151.	Vũ Thị Cúc	02/09/1994	Nhân viên	Bác sĩ CKI	012242/HP-CCHN Ngày 10/05/2021	Nội khoa	
152.	Phạm Thị Hiền	20/4/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012967/HP-CCHN 14/12/2022	KB,CB Chuyên khoa Nội	
153.	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/3/1993	Nhân viên khoa Ung bướu CS An Đồng	Bác sĩ	011294/HP-CCHN 06/01/2020	Nội khoa	
154.	Đinh Thị Thương	17/6/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012903/HP-CCHN 27/10/2022	CK Nội	
155.	Nguyễn Mai Chi	19/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011647/HP-CCHN 19/06/2020	Nội khoa	
156.	Lê Văn Tuấn	2/7/1973	Trưởng khoa PT tạo hình- thẩm mỹ	Bác sĩ CKII	004226/HP-CCHN Ngoại 24/02/2014	KCB Ngoại khoa, chuyên khoa phẫu thuật tạo hình	BS CK Tạo hình thẩm mỹ
157.	Phạm Văn Trung	1961	Nhân viên	Tiến sĩ - Bác sĩ	001245/HP-CCHN Ngày 08/12/2012	Ngoại khoa, Phẫu thuật tạo hình, Thẩm mỹ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
158.	Nguyễn Đức Thành	2/8/1976	Trưởng khoa Điều trị theo YC	Tiến sĩ-Bác sĩ	002868/HP-CCHN Ngày 30/11/2013	Ngoại khoa, PT Tạo hình thẩm mỹ	BS CK Tạo hình thẩm mỹ
159.	Nguyễn Hồng Đạo	7/1/1967	Trưởng khoa Bỏng-Tạo hình	Tiến sĩ-Bác sĩ	004232/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Ngoại khoa, Phẫu thuật tạo hình, Thẩm mỹ	
160.	Lê Thị Phương Linh	20/9/1990	Nhân viên khoa PT tạo hình- thẩm mỹ	Bác sĩ	009956/HP-CCHN Ngày 09/09/2017	Ngoại khoa	BS CK Ngoại khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
161.	Hoàng Văn Tiền	08/01/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011554/HP-CCHN Ngày 13/05/2020	Ngoại khoa	
162.	Phạm Viết Cường	09/09/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011567/HP-CCHN Ngày 31/05/2020	Ngoại khoa	
163.	Phạm Xuân Hùng	30/5/1993	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011191/HP-CCHN Ngày 16/10/2019	Ngoại khoa	
164.	Nguyễn Việt Dũng	4/1/1970	Trưởng khoa PT KTC YC	Tiến sĩ-Bác sĩ CKII	001814/HP-CCHN Ngày 25/07/2013	Ngoại khoa	
165.	Tạ Đức Toàn	26/8/1984	Phó Trưởng khoa PT KTC YC	Bác sĩ CKII	005255/HP-CCHN Ngày 16/04/2014	Ngoại khoa	
166.	Nguyễn Đức Vinh	17/7/1987	Nhân viên	Bác sĩ	008334/HP-CCHN Ngày 21/12/2015	Ngoại khoa	
167.	Vũ Quyết	16/11/1989	Nhân viên	Bác sĩ NT	010346/HP-CCHN Ngày 18/04/2018	Ngoại khoa	
168.	Ngô Văn Duy	13/10/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012635/HP-CCHN 10/06/2022	Ngoại khoa	
169.	Lê Văn Hoàng	15/10/1992	Nhân viên	BSCKI	010529/HP-CCHN 09/07/2018	KB, CB chuyên khoa Ngoại	
170.	Lê Quang Hùng	30/6/1966	Trưởng khoa Ngoại thận- tiết niệu	Bác sĩ CKII	001620/HP-CCHN Ngày 27/03/2013	Ngoại khoa	
171.	Bùi Văn Tùng	16/9/1980	Phó Trưởng khoa Ngoại thận- tiết niệu	Bác sĩ CKII	004538/HP-CCHN Ngày 05/03/2014	Ngoại khoa	
172.	Phạm Thanh Hải	02/03/1985	Phó Trưởng khoa Ngoại thận- tiết niệu	Thạc sĩ-Bác sĩ NT	003173/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Ngoại khoa	
173.	Nguyễn Công Bình	27/12/1959	Cố vấn chuyên môn	PGS.TS	005475/HP-CCHN Ngày 29/04/2014	Ngoại khoa	
174.	Phạm Văn Yển	7/8/1958	Nhân viên	Bác sĩ CKII	001069/HP-CCHN Ngày 05/11/2012	Chuyên khoa Ngoại	
175.	Bùi Sỹ Khanh	9/8/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008739/HP-CCHN Ngày 12/03/2016	Ngoại khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
176.	Nguyễn Tiến Thành	05/12/1991	Nhân viên	Bác sĩ	009811/HP-CCHN Ngày 22/06/2017	Ngoại khoa	BS CK Ngoại khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
177.	Vũ Đình Giang	29/4/1990	Nhân viên	Bác sĩ	010911/HP-CCHN Ngày 05/04/2019	Ngoại khoa	
178.	Đào Văn Bằng	27/06/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011972/HP-CCHN Ngày 10/11/2020	Ngoại khoa	
179.	Nguyễn Văn Quang	02/02/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012105/HP-CCHN Ngày 29/12/2020	Ngoại khoa	
180.	Nguyễn Mạnh Hùng	09/01/1985	Nhân viên	Bác sĩ CKII	000931/HD-CCHN Ngày 17/01/2013	Ngoại khoa	
181.	Cao Minh Tiệp	16/07/1978	Trưởng khoa Ngoại tiêu hoá	Tiến sĩ-Bác sĩ CKII	001307/HP-CCHN	Ngoại khoa	
182.	Tăng Văn Tá	08/03/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012095/HP-CCHN Ngày 29/12/2020	Chuyên khoa Ngoại	
183.	Phùng Thế Khang	09/08/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011652/HP-CCHN Ngày 19/06/2020	CK Ngoại	
184.	Bùi Văn Phúc	04/01/1992	Nhân viên	Bác sĩ	012074/HP-CCHN Ngày 10/12/2020	Chuyên khoa Ngoại	
185.	Đặng Văn Huân	16/4/1992	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011252/HP-CCHN Ngày 20/11/2019	Ngoại khoa	
186.	Nguyễn Quốc Thành	02/10/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	035254/BYT-CCHN Ngày 29/09/2017	Ngoại khoa	
187.	Đinh Thế Hùng	15/10/1964	Trưởng khoa Chấn thương chỉnh hình	Tiến sĩ-Bác sĩ	005410/HP-CCHN Ngày 20/04/2014	Ngoại khoa	
188.	Phạm Quang Minh	20/12/1965	Phó Trưởng khoa Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ CKII	005407/HP-CCHN Ngày 20/04/2014	Ngoại khoa	
189.	Phan Tiến Hùng	30/10/1978	Phó Trưởng khoa Chấn thương chỉnh hình	Thạc sĩ-Bác sĩ	002118/HP-CCHN Ngày 14/09/2013	Ngoại khoa	
190.	Phạm Trung Dũng	9/4/1981	Nhân viên	Bác sĩ CKI	0026668/BYT-CCHN Ngày 29/06/2015	Ngoại khoa	
191.	Nguyễn Văn Việt	21/9/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKII	005946/HP-CCHN Ngày 20/04/2014	Ngoại khoa	
192.	Lê Minh Hoàng	15/9/1962	Nhân viên	Tiến sĩ-Bác sĩ	000844/HP-CCHN Ngày 05/10/2012	Ngoại khoa	
193.	Vũ Văn Túc	05/01/1992	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	010912/HP-CCHN Ngày 05/04/2019	Ngoại khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
194.	Đặng Nhật Anh	15/09/1990	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	0006913/QNI-CCHN Ngày 23/04/2019	Ngoại khoa	BS CK Ngoại khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
195.	Trịnh Quang Hưng	28/12/1977	Nhân viên khoa Bông-Tạo hình	Bác sĩ CKI	004247/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Ngoại khoa	
196.	Nguyễn Văn Dương	15/2/1992	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	010305/HP-CCHN Ngày 09/03/2018	Ngoại khoa	
197.	Phan Anh	11/01/1992	Nhân viên	Bác sĩ	011192/HP-CCHN Ngày 16/10/2019	Ngoại khoa	
198.	Phạm Trung Dũng	29/5/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012657/HP-CCHN 15/06/2022	Ngoại khoa	
199.	Đặng Việt Sơn	7/2/1980	Trưởng khoa PT thần kinh cột sống	Tiến sĩ-Bác sĩ	001976/HP-CCHN Ngày 20/08/2013	Ngoại khoa	
200.	Mạc Kiên Quyết	24/01/1981	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	002229/HP-CCHN Ngày 30/09/2013	Ngoại khoa, RHM	
201.	Bùi Xuân Thành	28/7/1992	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011003/HP-CCHN Ngày 24/05/2019	Ngoại khoa	
202.	Trần Thế Hòa	24/02/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012968/HP-CCHN 14/12/2022	Ngoại khoa	
203.	Đoàn Tuấn Anh	28/08/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012017/HP-CCHN 01/04/2021	Ngoại khoa	
204.	Lê Minh Sơn	21/3/1972	Trưởng khoa PT Lồng ngực- Tim mạch	Bác sĩ CKII	004229/HP-CCHN Ngày 24/02/2014	Ngoại khoa	
205.	Nguyễn Công Huy	21/12/1986	Phó Trưởng khoa PT Lồng ngực- Tim mạch	Bác sĩ CKII	004208/HP-CCHN Ngày 16/02/2014	Ngoại khoa	
206.	Phạm Quốc Hoa	17/7/1993	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011173/HP-CCHN Ngày 30/09/2019	Ngoại khoa	
207.	Đoàn Văn Nghiêm	10/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011500/HP-CCHN Ngày 10/04/2020	Ngoại khoa	
208.	Trịnh Phi Hùng	09/7/1992	Nhân viên	Bác sĩ	010972/HP-CCHN Ngày 09/05/2019	Ngoại khoa	
209.	Nguyễn Mạnh Quân	27/02/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012708/HP-CCHN 27/06/2022	Ngoại khoa	
210.	Nguyễn Thế May	12/10/1981	PGĐ BV, Trưởng khoa Ngoại tổng hợp CS An Đông	Bác sĩ	004227/HP-CCHN 24/02/2014	Ngoại khoa	
211.	Nguyễn Mạnh Thắng	08/12/1978	Phó Trưởng khoa Ngoại tổng hợp CS AD	Tiến sĩ-Bác sĩ	0025977/BYT-CCHN 12/02/2015	Ngoại khoa	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
212.	Phạm Thanh Tuấn	14/01/1981	Phó Trưởng khoa Ngoại tổng hợp CS AD	Thạc sĩ-Bác sĩ	006440/HP-CCHN Ngày 04/09/2014	Ngoại khoa	BS CK Ngoại khoa; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
213.	Nguyễn Vũ	18/08/1978	Phó Trưởng khoa Ngoại tổng hợp CS AD	Bác sĩ CKII	0017444/BYT-CCHN Ngày 06/03/2014	CK Ngoại	
214.	Nguyễn Trọng Đức	20/12/1987	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	005937/HP-CCHN 23/09/2020	Ngoại khoa	
215.	Nông Ngọc Quang	15/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ	008984/HP-CCHN 18/09/2021	Ngoại khoa	
216.	Vũ Đồng Hoàng Hạnh	11/10/1987	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	008333/HP-CCHN 21/12/2015	Ngoại khoa	
217.	Tiêu Công Quyết	14/08/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011564/HP-CCHN 31/05/2020	Ngoại khoa	
218.	Nguyễn Đức Thoại	02/01/1987	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	007037/HP-CCHN 25/05/2015	Ngoại khoa	
219.	Lê Tuấn Anh	02/11/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012281/HP-CCHN 10/06/2021	Ngoại khoa	
220.	Nguyễn Hải Hà	27/02/1980	Nhân viên	Thạc sĩ, Bác sĩ	001713/HP-CCHN 29/05/2013	Nội tổng hợp; chuyên khoa Ngoại	
221.	Nguyễn Anh Tú	01/10/1992	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011194/HP-CCHN Ngày 16/10/2019	Ngoại khoa	
222.	Phạm Duy Bách	7/9/1990	Nhân viên	Bác sĩ	010535/HP-CCHN Ngày 09/07/2018	Ngoại khoa	
223.	Phạm Ngọc Hùng	10/02/1989	Nhân viên khoa Ngoại UB-CS giảm nhẹ	Bác sĩ CKII	009752/HP-CCHN 10/05/2017	Ngoại khoa	
224.	Bùi Văn Quyền	25/11/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011399HP-CCHN 20/20/2020	Ngoại khoa	
225.	Nguyễn Quang Hiệp	20/12/1991	Nhân viên	Bác sĩ	011425/HP-CCHN 10/03/2020	Ngoại khoa	
226.	Phạm Quang Hưng	02/5/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011472/HP-CCHN 19/03/2020	Ngoại khoa	
227.	Nguyễn Bá Vương	19/11/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012259/HP-CCHN 20/04/2021	Ngoại khoa	
228.	Bùi Đăng Cương	12/7/1995	Nhân viên	Bác sĩ	012602/HP-CCHN 27/05/2022	KB,CB Chuyên khoa Ngoại	
229.	Nguyễn Hữu Diện	20/02/1995	Nhân viên Ung bướu CS An Đồng	Bác sĩ	006008/HP-CCHN 19/07/2021	CK Ngoại	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
230.	Cao Thị Bích Hạnh	28/3/1970	Trưởng khoa GMHS	PGS Tiến sĩ, Bác sĩ	004221/HP-CCHN 24/02/2014	Gây mê hồi sức	BS CK Gây mê hồi sức
231.	Ngô Quốc Dinh	29/11/1976	Phó Trưởng khoa GMHS	Bác sĩ CKII	001110/HP-CCHN 21/11/2012	Gây mê hồi sức	
232.	Nguyễn Bá Dân	06/05/1986	Nhân viên	Bác sĩ CKI	006655/HP-CCHN 01/12/2014	Gây mê hồi sức	
233.	Nguyễn Thị Kim Cúc	15/8/1990	Nhân viên	BSCKI	010863/HP- CCHN 04/03/2019	Gây mê hồi sức	
234.	Nguyễn Thị Thu	03/7/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011428/HP-CCHN 10/03/2020	Gây mê hồi sức	
235.	Trần Thị Thu Trà	16/01/1994	Nhân viên	BSCKI	012380/HP-CCHN 20/04/2021	Gây mê hồi sức	
236.	Lê Đình Hậu	18/09/1994	Nhân viên	BSCKI	012379/HP-CCHN 20/04/2021	Gây mê hồi sức	
237.	Vũ Thị Thanh Nga	22/4/1983	Trưởng khoa GMHS An Đồng	Tiến sĩ, Bác sĩ	004223/HP-CCHN 24/02/2014	Gây mê hồi sức	
238.	Bùi Thu Hiền	27/6/1986	Phó Trưởng khoa GMHS An Đồng	Bác sĩ CKI	006059/HP-CCHN 02/06/2014	Nội khoa, Gây mê hồi sức	
239.	Nguyễn Thị Thu Phương	10/01/1993	Nhân viên	Bác sĩ	011402/HP-CCHN 10/03/2020	Gây mê hồi sức	
240.	Trần Quang Hưng	9/4/1977	GD TT Ung bướu-YHHN	Tiến sĩ-Bác sĩ	008851/HP-CCHN Ngày 18/02/2016	Ngoại khoa, Ung thư	BS CK Ung Bướu; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
241.	Trần Đức Linh	29/05/1986	PGĐ TT Ung bướu-YHHN	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	008574/HP-CCHN Ngày 06/01/2016	Ung bướu	
242.	Mạc Kiên Cường	03/12/1986	PGĐ TT Ung bướu-YHHN	Bác sĩ CKI	002883/HP-CCHN Ngày 16/06/2020	Ung thư	
243.	Bùi Thị Ngọc Thảo	28/3/1995	Nhân viên	Bác sĩ CKI	012399/HP-CCHN Ngày 20/11/2021	Nội khoa, Ung thư	
244.	Nguyễn Thanh Tùng	05/11/1989	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010723/HP- CCHN Ngày 31/10/2018	Ung bướu	
245.	Nguyễn Duy Cương	06/3/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011045/HP-CCHN Ngày 18/06/2019	Ngoại khoa, Ung bướu	
246.	Phạm Thùy Dương	30/11/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	007412/TB-CCHN 28/08/2018	KCB đa khoa, chuyên khoa Ung bướu	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
247.	Đoàn Thu Hương	01/12/1992	Nhân viên	Bác sĩ CKI	028694/HNO-CCHN Ngày 31/10/2019	KB,CB chuyên khoa Nội, CK ung thư	BS CK Ung Bướu; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
248.	Đỗ Đình Toàn	20/12/1980	Trưởng khoa Ngoại UB-CS giảm nhẹ	Bác sĩ CKII	000292/HP-CCHN 29/06/2012	Ngoại khoa, Ung bướu	
249.	Nguyễn Bá Mạnh	03/02/1985	Phó Trưởng khoa Ngoại UB-chăm sóc giảm nhẹ	Thạc sĩ-Bác sĩ	006974/HP-CCHN 15/04/2015	Ngoại khoa, Ung bướu	
250.	Bùi Ngọc Nam	20/5/1987	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	008569/HP-CCHN 06/01/2016	Ngoại khoa, Ung bướu	
251.	Bùi Văn Quang	10/11/1992	Nhân viên	Bác sĩ	011040/HP-CCHN 18/06/2019	Ngoại khoa, Ung thư	
252.	Nguyễn Chí Thanh	30/3/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011041/HP-CCHN 18/06/2019	Ngoại khoa, Ung bướu	
253.	Trịnh Ngọc Nam	03/02/1984	Nhân viên	Bác sĩ CKII	0112585/BYT-CCHN 26/12/2013	Ngoại khoa; chuyên khoa Ung bướu	
254.	Nguyễn Thanh Tùng	24/03/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012212/HP-CCHN 12/04/2021	Ngoại khoa, Ung thư	
255.	Đỗ Thị Phương Chung	15/10/1979	Trưởng khoa Ung bướu CS An Đồng	Tiến sĩ-Bác sĩ	005487/HP-CCHN 29/04/2014	Nội Ung thư	
256.	Nguyễn Quang Thành	22/6/1984	Phó Trưởng khoa Ung bướu CS An Đồng	Thạc sĩ-Bác sĩ	006944/HP-CCHN 20/03/2015	Ung bướu	
257.	Hoàng Thị Nhung	25/7/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010953/HP-CCHN 25/04/2019	KB, CB Nội khoa; CK Ung thư	
258.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	31/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011501/HP-CCHN 04/10/2020	Nội khoa; Ung thư	
259.	Lương Thanh Bình	15/06/1992	Nhân viên	Bác sĩ	0006781/QNI-CCHN 25/04/2019	Ung thư	
260.	Bùi Thị Bích Ngọc	14/6/1979	Trưởng khoa PHCN	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	000154/HP-CCHN Ngày 29/05/2012	Phục hồi chức năng	BS CK Phục hồi chức năng; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT; KT Y PHCN
261.	Bùi Bá Quang	18/9/1980	Phó Trưởng khoa PHCN	Bác sĩ CKII	003177/HP-CCHN Ngày 17/12/2013	Nội khoa, Phục hồi chức năng	
262.	Dương Quang Lưu	26/8/1968	Nhân viên	Bác sĩ CKI	002897/HP-CCHN Ngày 04/12/2013	Y học cổ truyền, PHCN	
263.	Bùi Thị Hà Giang	27/06/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011498/HP-CCHN Ngày 10/04/2020	Nội khoa,Phục hồi chức năng	
264.	Bùi Thị Ngân	22/08/1994	Nhân viên	Bác sĩ	011499/HP-CCHN Ngày 10/04/2020	Nội khoa,Phục hồi chức năng	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
265.	Nguyễn Thị Minh Hoa	29/11/1996	Nhân viên	Bác sĩ	012929/HP-CCHN 21/11/2022	CK Nội	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
266.	Hà Văn Thắng	05/6/1992	Nhân viên	Bác sĩ	012912/HP-CCHN 07/11/2022	Nội khoa	
267.	Bùi Thị Thúy	17/2/1981	Phụ trách khoa YHCT	Bác sĩ CKI	005896/HP-CCHN Ngày 02/06/2014	Y học cổ truyền, TMH	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa; Ys YHCT
268.	Nguyễn Văn Quang	15/9/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010823/HP-CCHN Ngày 28/01/2019	Y học cổ truyền	
269.	Trần Thị Mùi	02/03/1991	Nhân viên	Bác sĩ YHCT	009846/HP-CCHN Ngày 06/07/2017	Y học cổ truyền	
270.	Nguyễn Thị Xuân Hương	11/11/1972	Trưởng khoa Da liễu	Bác sĩ CKII	001240/HP-CCHN Ngày 08/12/2012	Da liễu	BS CK Da liễu; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa
271.	Nguyễn Thị Huyền	03/9/1980	Phó trưởng khoa Da liễu	Thạc sĩ-Bác sĩ	005506/HP-CCHN Ngày 29/04/2014	Da liễu	
272.	Phạm Thị Nga	7/9/1979	Nhân viên	Tiến sĩ-Bác sĩ	004499/HP-CCHN Ngày 03/03/2014	Da liễu	
273.	Cao Bích Ngọc	15/12/1980	Nhân viên	Bác sĩ CKII	009688/HP-CCHN Ngày 22/02/2017	Nội khoa, Da liễu	
274.	Nguyễn Minh Phượng	02/5/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010720/HP-CCHN Ngày 09/01/2019	Da liễu	
275.	Đoàn Vũ Minh Anh	19/11/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	0010161/HP-CCHN Ngày 20/11/2017	Da liễu	
276.	Nguyễn Thị Thu Huế	01/9/1987	Nhân viên	Bác sĩ CKI	003062/HP-CCHN Ngày 08/12/2013	Da liễu	
277.	Phạm Thị Thanh Hòa	28/9/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011878/HP-CCHN Ngày 31/08/2020	Da liễu	
278.	Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền	05/09/1989	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	011166/HP-CCHN Ngày 30/09/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	
279.	Nguyễn Quang Hùng	08/01/1976	Trưởng khoa TMH	Tiến sĩ-Bác sĩ CKII	000285/HP-CCHN Ngày 29/06/2012	Tai mũi họng	BS CK Tai Mũi Họng; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa;
280.	Lương Tuấn Thành	5/1/1976	Phó Trưởng khoa TMH	Thạc sĩ-Bác sĩ	000646/HP-CCHN Ngày 04/09/2012	Tai mũi họng	
281.	Nguyễn Ngọc Hà	25/7/1973	Phó Trưởng khoa TMH	Tiến sĩ-Bác sĩ	000141/HP-CCHN Ngày 05/12/2017	Bác sĩ CK tai mũi họng, chuyên khoa phẫu thuật tạo hình	
282.	Phạm Thị Thu Thủy	4/2/1973	Nhân viên	Bác sĩ CKI	000038/HP-CCHN Ngày 17/04/2012	Tai mũi họng	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
283.	Phạm Thị Hương	25/10/1976	Nhân viên	Bác sĩ CKI	000429/HP-CCHN Ngày 02/08/2012	Tai mũi họng	BS CK Tai Mũi Họng; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa;
284.	Tô Thị Kim Oanh	10/9/1985	Nhân viên	Bác sĩ	005764/HP-CCHN Ngày 18/05/2014	Tai mũi họng	
285.	Quản Ngọc Thạch	14/4/1990	Nhân viên	Bác sĩ	009517/HP-CCHN Ngày 30/12/2016	TMH	
286.	Nguyễn Quốc Sơn	2/10/1979	Trưởng khoa Mắt	Bác sĩ CKI	000382/HP-CCHN Ngày 26/07/2012	Mắt	BS CK Mắt; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa
287.	Bùi Thị Thủy Hải	16/7/1978	Phó Trưởng khoa Mắt	Thạc sĩ-Bác sĩ	005415/HP-CCHN Ngày 20/04/2014	Mắt	
288.	Đỗ Thị Chiêm	06/01/1989	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008434/HP-CCHN Ngày 23/12/2015	Nội khoa, Mắt	
289.	Nguyễn Thị Hòa	09/5/1995	Nhân viên	Bác sĩ CC nhân khoa cơ bản	012797/HP-CCHN 01/08/2022	Ngoại khoa	BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa
290.	Nguyễn Ngọc Sơn	14/02/1995	Nhân viên	Bác sĩ CC nhân khoa cơ bản	047651/BYT-CCHN 19/09/2022	KB, CB chuyên khoa Ngoại	
291.	Vũ Ngân Hà	06/10/1995	Nhân viên	Bác sĩ CC nhân khoa cơ bản	012329/HP-CCHN 09/07/2021	KB, CB chuyên khoa Nội	
292.	Nguyễn Thái Hòa	12/9/1965	Trưởng khoa RHM	Bác sĩ CKII	001024/HP-CCHN 02/11/2012	Răng hàm mặt	BS CK Răng Hàm Mặt; BS RHM; BS y khoa, BS YHDP; BS YHCT; Ys Đa khoa
293.	Nguyễn Thị Yến	7/11/1974	Phó Trưởng khoa RHM	Bác sĩ CKII	000047/HP-CCHN 17/04/2012	Răng hàm mặt	
294.	Phạm Đan Tâm	8/5/1974	Nhân viên	Bác sĩ CKII	000664/HP-CCHN 06/09/2012	Răng hàm mặt	
295.	Nguyễn Thị Vân Anh	21/10/1982	Nhân viên	Bác sĩ CKI	000061/HP-CCHN 14/07/2012	Răng hàm mặt	
296.	Hứa Mạnh Hùng	16/8/1980	Nhân viên	Bác sĩ CKI	001984/HP-CCHN 20/08/2013	Răng hàm mặt	
297.	Nguyễn Quốc Tuấn	16/03/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012408/HP-CCHN 15/12/2021	Răng hàm mặt	
298.	Nguyễn Thị Trang	10/7/1986	Nhân viên	Thạc sĩ-Bác sĩ	006654/HP-CCHN 01/12/2014	Răng hàm mặt	
299.	Lê Anh Hùng	15/7/1981	Trưởng khoa Phụ sản	Bác sĩ CK II	005653/HP-CCHN 09/05/2014	Sản-KHHGD	BS y khoa, BS YHDP; Ys Đa khoa; Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
300.	Phạm Thị Vân	05/6/1982	Nhân viên	Bác sĩ CK II	000828/HP-CCHN 03/10/2012	Sản-KHHGD	BS y khoa, BS YHDP; Ys Đa khoa; Hộ sinh
301.	Trần Văn Đức	17/02/1993	Nhân viên	Bác sĩ CK I	011285/HP-CCHN 27/11/2019	Khám bệnh, chữa bệnh CK Sản Phụ khoa	
302.	Trần Thị Ngọc Thủy	04/05/1967	Nhân viên	Bác sĩ CK II	002974/HP-CCHN 08/12/2013	Sản-KHHGD	
303.	Ngô Thị Uyên	30/01/1974	Nhân viên	Tiến sỹ-Bác sĩ	0026305/BYT-CCHN 01/06/2015	Khám bệnh, chữa bệnh CK Sản Phụ khoa	
304.	Vương Thị Thu Thủy	16/11/1974	Nhân viên	Bác sĩ CK II	000025/HP-CCHN 13/04/2012	Phòng khám chuyên khoa Sản- KHHGD	
305.	Tạ Thị Mỹ Hạnh	26/6/1988	Nhân viên phòng Khám sức khỏe	Bác sĩ CKI	0026669/BYT-CCHN 29/06/2015	CK sản phụ khoa	
306.	Hà Thị Thu Huyền	03/12/1988	Trưởng khoa Nhi	Bác sĩ CK II	009581/HP-CCHN 20/01/2017	Chuyên khoa Nhi	BS y khoa, BS YHDP; Ys Đa khoa
307.	Trần Thị Thương	17/10/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	0027610/BYT-CCHN 28/09/2015	Nhi khoa, Nội khoa	
308.	Nguyễn Thị Hạnh	20/04/1973	Điều dưỡng trưởng khoa HSTC Nội&CD	Cử nhân điều dưỡng	003814/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐDDH	Điều dưỡng
309.	Trương Mỹ Trang	10/10/1994	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	010363/HP-CCHN 18/04/2018	CNĐDDH	
310.	Nguyễn Thị Trang	15/1/1991	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	009777/HP-CCHN 26/05/2017	CNĐDDH	
311.	Trần Thị Hường	20/10/1986	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004201/HP-CCHN 16/02/2014	CNĐDDH	
312.	Vũ Thị Hương	09/10/1982	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004536/HP-CCHN 05/03/2014	CNĐDDH	
313.	Quách Đại Quang	15/12/1980	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003811/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐDDH	
314.	Bùi Thị Nhị	14/12/1971	Điều dưỡng trưởng khoa HSTC Ngoại	Cử nhân điều dưỡng	003805/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐDDH	
315.	Trần Kim Dung	5/7/1981	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003803/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐDDH	
316.	Đàm Đức Việt	28/10/1987	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004819/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐDDH	
317.	Vũ Mạnh Hà	15/7/1976	Điều dưỡng trưởng khoa HSTC theo YC	Cử nhân điều dưỡng	000731/HP-CCHN 14/09/2012	CNCĐDD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
318.	Nguyễn Đình Thanh	6/4/1982	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008750/HP-CCHN 12/03/2016	CNĐDDH	Điều dưỡng
319.	Lê Thị Bích Thủy	11/5/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004821/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐDDH	
320.	Nguyễn Thị Minh Lý	26/5/1998	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006452/HP-CCHN 11/10/2021	CNĐDDH	
321.	Bùi Thị Lan	05/01/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004238/HP-CCHN 24/02/2014	CNĐDDH	
322.	Vũ Cao Văn	8/7/1985	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004276/HP-CCHN 25/02/2014	CNĐDDH	
323.	Phạm Thị Như Quỳnh	26/11/1994	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	010089/HP-CCHN 16/10/2017	CNĐDDH	
324.	Trịnh Thị Minh Thanh	04/4/1996	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	007104/HP-CCHN 05/11/2021	CNĐDDH	
325.	Bùi Văn Thạo	10/11/1977	Điều dưỡng trưởng khoa HSTC An Đồng	ĐD ĐH	005397/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐHHĐ	
326.	Vũ Mạnh Toàn	06/11/1982	Nhân viên	ĐD ĐH	005380/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐHHĐ	
327.	Nguyễn Thị Thu Hường	29/08/1978	Nhân viên	CĐĐD	005499/HP-CCHN 29/04/2014	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của BNV ngạch Điều dưỡng	
328.	Nguyễn Thị Hương	22/11/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	009069/HP-CCHN 22/06/2016	ĐDCĐ	
329.	Đỗ Hồng Hải	20/10/1975	Nhân viên	CĐ ĐD	006692/HP-CCHN 01/12/2014	CNCĐĐD	
330.	Lương Thị Hiền	29/09/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	009355/HP-CCHN 27/10/2016	ĐDCĐ	
331.	Lê Thị Thu Lan	27/9/1977	Điều dưỡng trưởng khoa Cấp cứu	Cử nhân điều dưỡng	006164/HP-CCHN 07/07/2014	CNĐHHĐ	
332.	Đồng Thị Yến Ngọc	11/4/1986	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006156/HP-CCHN 07/07/2014	CNĐHHĐ	
333.	Phạm Văn Chúc	11/5/1977	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006815/HP-CCHN 15/01/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
334.	Phạm Thị Trang	21/06/1995	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011109/HP-CCHN 03/09/2019	ĐDCĐ	Điều dưỡng
335.	Nguyễn Thị Liên	20/7/1994	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011755/HP-CCHN 14/07/2020	ĐDCĐ	
336.	Vũ Thị Thúy Hồng	27/12/1997	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011290/HP-CCHN 27/11/2019	ĐDCĐ	
337.	Nguyễn Thị Hương	28/01/1992	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	010657/HP-CCHN 18/09/2018	ĐDCĐ	
338.	Đặng Thị Thời	11/11/1992	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	000725/HP-CCHN 13/04/2017	CNCĐĐD	
339.	Nguyễn Thị Thu Huyền	1978	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	006670/HP-CCHN 01/12/2014	CNCĐĐD	
340.	Trần Thị Ngọc Ánh	12/11/1994	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	009934/HP-CCHN 25/08/2017	CNCĐĐD	
341.	Đào Thị Lan Anh	10/9/1970	Điều dưỡng Trưởng khoa Cấp cứu An Đông	ĐD ĐH	005702/HP-CCHN 18/05/2014	CNĐHĐD	
342.	Đỗ Thị Thu Hà	14/02/1978	Nhân viên	ĐD ĐH	008801/HP-CCHN 10/04/2016	CNĐHĐD	
343.	Tạ Thị Bột	11/01/1970	Nhân viên	ĐD ĐH	006662/HP-CCHN 01/12/2014	CNĐHĐD	
344.	Trần Thị Huyền	09/4/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	011839/HP-CCHN 12/08/2020	ĐDCĐ	
345.	Lê Thị Phượng	30/3/1969	Điều dưỡng trưởng khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	004491/HP-CCHN 03/03/2014	CNĐHĐD	
346.	Nguyễn Thị Hương	30/8/1977	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	003718/HP-CCHN 10/01/2014	CNCĐĐD	
347.	Tăng Thị Hoài	13/11/1990	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008376/HP-CCHN 21/12/2015	CNĐHĐD	
348.	Nguyễn Thị Tâm	10/11/1992	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	011052/HP-CCHN 18/06/2019	CNĐHĐD	
349.	Trần Ngọc Hải	16/6/1986	Điều dưỡng trưởng khoa can thiệp Tim và mạch máu	Cử nhân điều dưỡng	012392/HP-CCHN 07/07/2014	CNĐHĐD	
350.	Nguyễn Đăng Trung	15/9/1987	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006187/HP-CCHN 07/07/2014	CNĐHĐD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
351.	Nguyễn Văn Bình	22/01/1986	Nhân viên	Điều dưỡng CKI	004271/HP-CCHN 25/02/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng
352.	Lương Sỹ Hoài Nam	03/8/1987	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003712/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐHĐĐ	
353.	Lê Thị Liên	8/10/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008379/HP-CCHN 21/12/2015	CNĐHĐĐ	
354.	Phạm Thị Thủy	17/12/1981	Điều dưỡng Trưởng khoa Nội Tiêu hoá	Cử nhân điều dưỡng	001346/HP-CCHN 29/12/2012	CNĐHĐĐ	
355.	Trần Thị Hằng	10/8/1990	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	025459/HNO-CCHN 05/09/2018	theo QĐ tại TT26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015	
356.	Đặng Thị Cúc Phương	24/09/1996	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	010642/HP-CCHN 17/09/2018	CNCĐĐĐ	
357.	Vì Thị Tuyết Nhi	30/6/1996	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	010808/HP-CCHN 09/01/2019	CNCĐĐĐ	
358.	Bùi Thị Thu Lan	27/11/1984	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	0018682/BYT-CCHN 20/03/2014	ĐDCĐ	
359.	Hoàng Thị Tuyết Lan	23/11/1998	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011952/HP-CCHN 27/10/2020	ĐDCĐ	
360.	Nguyễn Thị Thanh Phụng	17/10/1968	Điều dưỡng trưởng khoa Nội Hô hấp	Cử nhân điều dưỡng	004569/HP- CCHN 07/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
361.	Trịnh Thị Thanh Hoa	29/9/1981	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004570/HP-CCHN 07/03/2014	CNĐHĐĐ	
362.	Vũ Thị Trang	28/6/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006183/HP-CCHN 07072014	CNĐHĐĐ	
363.	Khổng Minh Độ	20/6/1988	Điều dưỡng trưởng khoa Nội cơ xương khớp	Cử nhân điều dưỡng	004826/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
364.	Đỗ Thị Thúy	3/8/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004567/HP-CCHN 07/03/2014	CNĐHĐĐ	
365.	Nguyễn Thị Phụng	7/10/1980	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	003707/HP-CCHN 10/01/2014	CNCĐĐĐ	
366.	Nguyễn Thị Huyền	12/7/1988	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	004561/HP-CCHN 07/03/2014	CNCĐĐĐ	
367.	Đoàn Thị Hà	21/2/1975	Điều dưỡng trưởng khoa Thận-Nội tiết	Cử nhân điều dưỡng	005496/HP-CCHN 29/04/2014	CNĐHĐĐ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
368.	Lê Thị Yến	20/10/1992	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	009895/HP-CCHN 04/08/2017	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
369.	Phạm Thị Hồng Huệ	30/09/1985	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004838/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐHĐĐ	
370.	Đỗ Thị Hà	18/9/1991	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	004833/HP-CCHN 24/03/2014	ĐDCĐ	
371.	Đỗ Thị Hồng Nhung	24/12/1992	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	010283/HP-CCHN 02/02/2018	ĐDCĐ	
372.	Nguyễn Thúy Hằng	12/12/1982	Điều dưỡng trưởng khoa Nội 4	Cử nhân điều dưỡng	004507/HP-CCHN 05/03/2014	CNĐHĐĐ	
373.	Trần Thị Ngan	10/08/1978	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	005367/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐHĐĐ	
374.	Phạm Thị Hồng Thái	04/10/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003695/HP-10/01/2015 CCHN	CNĐHĐĐ	
375.	Hoàng Văn Phú	06/6/1983	Điều dưỡng trưởng khoa Bệnh nhiệt đới	Cử nhân điều dưỡng	006673/HP-CCHN 01/12/2014	ĐDTH	Điều dưỡng
376.	Tô Thị Thao	05/12/1973	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006821/HP-CCHN 15/01/2015	CNĐHĐĐ	
377.	Bùi Văn Thiệp	01/9/1980	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	005701/HP-CCHN 18/05/2015	CNĐHĐĐ	
378.	Nguyễn Thị Hiền	22/9/1985	Khoa Bệnh nhiệt đới An Đồng	CĐ ĐD	010125/HP-CCHN 06/11/2017	CNCĐĐD	Điều dưỡng
379.	Đinh Quỳnh Anh	08/02/1988	Nhân viên	CĐ ĐD	008806/HP-CCHN 10/04/2016	ĐDTH	
380.	Vũ Thị Sinh	31/3/1983	Nhân viên	CĐ ĐD	009216/HP-CCHN 15/08/2016	ĐDTH	
381.	Phạm Thị Thu Huyền	09/02/1989	Nhân viên	CĐ ĐD	004202/HP-CCHN 16/02/2014	ĐDTH	
382.	Vũ Thị Phượng	20/7/1983	Điều dưỡng trưởng khoa Đột quỵ	Cử nhân điều dưỡng	006174/HP-CCHN 07/07/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
383.	Đỗ Thùy Ly	04/12/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006686/HP-CCHN 01/12/2014	CNĐHĐĐ	
384.	Hoàng Thị Mai Phương	22/12/1986	Điều dưỡng trưởng khoa Thần kinh	CĐ ĐD	008345/HP-CCHN 21/12/2015	ĐDTH	
385.	Phạm Thị Xuân	10/5/1986	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	005428/HP-CCHN 18/05/2022	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
						của BNV ngạch điều dưỡng	
386.	Phạm Thị Hoa	28/7/1994	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011984/HP-CCHN 10/11/2020	ĐDCĐ	Điều dưỡng
387.	Vũ Thị Hằng	05/10/1997	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011348/HP-CCHN 31/01/2020	ĐDCĐ	
388.	Nguyễn Thị Thu Hồi	13/04/1986	Điều dưỡng Trưởng khoa Nội TH	ĐD ĐH	003809/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐHĐĐ	
389.	Đỗ Thị Thu Hà	26/03/1983	Nhân viên	ĐD ĐH	004451/HP-CCHN 03/03/2014	CNĐHĐĐ	
390.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/5/1999	Nhân viên	CĐ ĐD	012407/HP-CCHN 15/12/2021	CNCĐĐĐ	
391.	Vũ Thị Thùy Anh	11/08/1998	Nhân viên	CĐ ĐD	007172/HP-CCHN 05/11/2021	CNCĐĐĐ	
392.	Ngô Việt Phương	15/12/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	010131/HP-CCHN 06/11/2017	Theo QĐ tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	
393.	Lê Thị Thu Hiền	15/05/1984	Điều dưỡng trưởng khoa PTTH Thẩm mỹ	Cử nhân điều dưỡng	004544/HP-CCHN 05/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
394.	Vương Thị Kim Anh	21/3/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006262/HP-CCHN 30/07/2014	CNĐHĐĐ	
395.	Cao Thị Thu Hiền	2/10/1972	Điều dưỡng trưởng khoa Điều trị YC	Cử nhân điều dưỡng	006273/HP-CCHN 30/07/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
396.	Trần Thanh Vân	17/8/1992	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008874/HP- CCHN 05/05/2016	CNĐHĐĐ	
397.	Lê Thị Quỳnh Trang	4/7/1991	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008803/HP-CCHN 10/04/2016	CNĐHĐĐ	
398.	Đỗ Thị Huyền	27/4/1988	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006677/HP-CCHN 01/12/2014	CNĐHĐĐ	
399.	Phạm Thị Thanh Hòa	14/9/1984	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	002145/HD-CCHN 15/08/2013	CNĐHĐĐ	
400.	Phạm Văn Cường	13/08/1980	Điều dưỡng trưởng khoa PT KTC theo YC	Cử nhân điều dưỡng	004813/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
401.	Hoàng Thị Thu	25/6/1994	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	009786/HP-CCHN 01/06/2017	CNĐHĐĐ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
402.	Nguyễn Thị Khuyên	08/01/1982	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006271/HP-CCHN 30/07/2014	CNĐHĐĐ	
403.	Lê Thị Mai Phương	01/12/1994	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	009890/HP-CCHN 04/08/2017	Theo QĐ tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	
404.	Vũ Thị Xuân	08/10/1980	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại thận -Tiết niệu	Cử nhân điều dưỡng	004550/HP-CCHN 05/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
405.	Nguyễn Thị Vân	01/01/1989	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008947/HP-CCHN 12/05/2016	CNĐHĐĐ	
406.	Đào Thị Minh Thu	3/4/1983	Điều dưỡng trưởng khoa Phẫu thuật tiêu hoá	Cử nhân điều dưỡng	004845/HP-CCHN 24/03/2014	CNCĐĐĐ	Điều dưỡng
407.	Đặng Thị Kim Oanh	11/12/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004844/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐHĐĐ	
408.	Bùi Thị Hương	06/08/1988	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	009055/HP-CCHN 22/06/2016	Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	
409.	Trịnh Thị Nga	16/7/1970	Điều dưỡng trưởng khoa Bỏng- Tạo hình	Cử nhân điều dưỡng	002923/HP-CCHN 04/12/2013	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
410.	Đào Thị Hải	12/5/1994	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	009971/HP-CCHN 09/09/2017	CNĐHĐĐ	
411.	Nguyễn Thị Nhung	22/10/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004843/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐHĐĐ	
412.	Phạm Thị Thu Trang	24/10/1984	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	005396/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐĐĐH	
413.	Dương Thị Hiền Lương	15/05/1982	Điều dưỡng trưởng khoa PT TK Cột sống	Cử nhân điều dưỡng	005709/HP-CCHN 18/05/2014	CNCĐĐĐ	Điều dưỡng
414.	Đoàn Thị Nga	31/12/1984	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	007185/HP-CCHN 25/08/2015	CNĐHĐĐ	
415.	Phùng Thị Lan Phương	11/11/1984	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	008375/HP-CCHN 21/12/2015	CNĐHĐĐ	
416.	Ngô Thị Vân	1/5/1972	Điều dưỡng trưởng khoa Lồng ngực- Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	003687/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
417.	Nguyễn Thuỳ Dương	18/12/1982	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004450/HP-CCHN 03/03/2014	CNĐHĐĐ	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
418.	Phạm Thị Hồng	14/03/1990	Điều dưỡng trưởng khoa Chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	003610/HD-CCHN 10/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
419.	Trần Duy Hưng	9/2/1971	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006687/HP-CCHN 01/12/2014	CNĐHĐĐ	
420.	Ngô Thị Hương Trang	09/01/1993	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	009852/HP-CCHN 06/07/2017	CNĐHĐĐ	
421.	Phạm Hồng Thắng	22/10/1970	Điều dưỡng trưởng TT Ung bướu-YHHN	ĐD ĐH	005727/HP-CCHN 18/05/2014	CNĐĐĐH	Điều dưỡng
422.	Đặng Bích Ngọc	30/4/1990	Nhân viên	ĐD ĐH	008844/HP-CCHN 12/03/2016	CNĐĐĐH	
423.	Phạm Thị Phương Anh	16/02/1996	Nhân viên	CĐ ĐD	011835/HP-CCHN 12/08/2020	CNCĐĐĐ	
424.	Lương Thị Việt Trinh	10/07/1997	Nhân viên	CĐ ĐD	011834/HP-CCHN 12/08/2020	CNCĐĐĐ	
425.	Bùi Thị Thuý Ngà	28/3/1989	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại Ung bướu - CSGN	ĐD ĐH	005369/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng
426.	Hoàng Thị Bình Giang	23/7/1994	Nhân viên	CĐ ĐD	010095/HP-CCHN 16/10/2017	CNCĐĐĐ	
427.	Nguyễn Thị Minh Huệ	11/8/1995	Nhân viên	CĐ ĐD	010238/HP-CCHN 09/01/2018	CNCĐĐĐ	
428.	Nguyễn Thị Thu Phương	19/9/1980	Điều dưỡng trưởng khoa Ung bướu An Đông	CĐ ĐD	005726/HP-CCHN 18/05/2014	ĐDCĐ	Điều dưỡng
429.	Đinh Thị Xuân Hoa	26/7/1994	Nhân viên	CĐ ĐD	009982/HP-CCHN 09/09/2017	CNCĐĐĐ	
430.	Vũ Thị Hường	10/1/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	008594/HP-CCHN 06/01/2016	CNCĐĐĐ	
431.	Lê Thúy Lan	04/01/1986	Nhân viên	CĐ ĐD	000399/HP-CCHN 26/07/2012	CNCĐĐĐ	
432.	Nguyễn Công Diệm	04/5/1992	Nhân viên	CĐ ĐD	011966/HP-CCHN 19/11/2020	Theo QĐ tại thông tư số 26/2015/TTLT_BYT-BNV ngày 07/10/2015	
433.	Nguyễn Thị Phương Anh	2/7/1981	Điều dưỡng Trưởng khoa Ngoại TH	ĐD ĐH	004458/HP-CCHN 03/03/2014	CNĐHĐĐ	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
434.	Nguyễn Thanh Hương	20/7/1983	Nhân viên	ĐD ĐH	004463/HP-CCHN 03/03/2014	CNĐHĐĐD	
435.	Nguyễn Thị Vân Anh	20/12/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	008549/HP-CCHN 06/01/2016	CNCĐĐĐD	
436.	Đỗ Vũ Thanh Mai	23/03/1987	Nhân viên	ĐD ĐH	004520/HP-CCHN 05/03/2014	CNĐHĐĐD	
437.	Vũ Thị Thu Hà	12/7/1982	Nhân viên	ĐD ĐH	005409/HP-CCHN 20/04/2014	CNĐHĐĐD	
438.	Nguyễn Thu Thủy	01/8/1987	Hộ sinh trưởng khoa Phụ sản	Hộ sinh ĐH	005176/HP-CCHN 12/04/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT	Hộ sinh
439.	Nguyễn Thị Hương	01/10/1982	Nhân viên	Hộ sinh ĐH	004353/HP-CCHN 26/02/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
440.	Ngô Mai Phương	12/3/1985	Nhân viên	Hộ sinh CĐ	005165/HP-CCHN 12/04/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
441.	Phạm Quỳnh Ngọc	29/12/1988	Nhân viên	Hộ sinh CĐ	004634/HP-CCHN 07/03/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
442.	Nguyễn Thị Kim Dung	16/11/1992	Nhân viên	Hộ sinh CĐ	007051/HP-CCHN 25/05/2015	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
443.	Phạm Thị Lịch	02/10/1986	Nhân viên	Hộ sinh CĐ	004630/HP-CCHN 07/03/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
444.	Vũ Thị Thanh Huyền	29/10/1994	Nhân viên	Hộ sinh CĐ	007935/HP-CCHN 06/11/2015	Theo TT 12/2011/TT-BYT	
445.	Hoàng Thị Linh	09/3/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	005990/HP-CCHN 08/06/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	Điều dưỡng
446.	Phạm Thanh Hoa	15/6/1980	Nhân viên	CĐ ĐD	004285/HP-CCHN 25/02/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	
447.	Mai Thị Lệ Huyền	9/1/1982	Điều dưỡng trưởng khoa Nhi	ĐD ĐH	004820/HP-CCHN 24/03/2014	CNĐĐĐĐH	Điều dưỡng
448.	Nguyễn Thị Yến	31/10/1994	Nhân viên	ĐD ĐH	009836/HP-CCHN 22/06/2017	Theo QĐ tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	
449.	Nguyễn Thị Vân Anh	04/3/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	006787/HP-CCHN 06/01/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	
450.	Phạm Thị Là	17/11/1993	Nhân viên	CĐ ĐD	008630/HP-CCHN 21/12/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
451.	Trần Thị Bích	03/12/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	008273/HP-CCHN 26/11/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	
452.	Vũ Thị Bình	16/02/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	008309/HP-CCHN 26/11/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	
453.	Vũ Thị Minh Chi	17/06/1984	Điều dưỡng trưởng khoa Da liễu	Cử nhân điều dưỡng	004584/HP-CCHN 07/03/2014	CNĐHĐD	Điều dưỡng
454.	Bùi Thị Hường	08/01/1988	Nhân viên	CĐ ĐD	005738/HP-CCHN 18/05/2014	ĐDTH	
455.	Vũ Thị Hoàng Thanh	2/10/1990	Nhân viên	CĐ ĐD	008628/HP-CCHN 06/01/2016	ĐDTH	
456.	Phạm Xuân Thu	20/01/1984	Nhân viên	CĐ ĐD	005503/HP-CCHN 29/04/2014	ĐDTH	
457.	Nguyễn Thị Mai Anh	21/09/1982	Nhân viên	CĐ ĐD	005501/HP-CCHN 29/04/2014	ĐDTH	
458.	Đỗ Thị Thanh Hằng	01/01/0986	Nhân viên	CĐ ĐD	005502/HP-CCHN 29/04/2014	ĐDTH	
459.	Lê Thị Nguyệt	27/3/1990	Nhân viên	CĐ ĐD	008363/HP-CCHN 21/12/2015	ĐDTH	
460.	Trịnh Thị Thu	20/12/1989	Nhân viên	CĐ ĐD	010169/HP-CCHN 20/11/2017	ĐDTH	
461.	Mạc Thị Bích Ngọc	02/06/1974	Nhân viên	CĐ ĐD	005898/HP-CCHN 29/04/2014	ĐDTH	
462.	Trịnh Thị Bích Phương	06/1/1992	Nhân viên	CĐ ĐD	010235/HP-CCHN 09/01/2018	ĐDTH	
463.	Đỗ Thị Minh	12/6/1975	Điều dưỡng trưởng khoa YHCT	Cử nhân điều dưỡng	005746/HP-CCHN 1/805/2014	ĐDCĐ	Điều dưỡng
464.	Trần Thị Thu Trang	24/09/1983	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	004204/HP-CCHN 16/02/2014	CNĐHĐD	
465.	Đỗ Thị Kiều Trang	01/5/1991	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	005754/HP-CCHN 18/05/2014	ĐDYHCT	
466.	Trần Thị Minh Châu	13/2/1984	Nhân viên	CĐ ĐD	005750/HP-CCHN 18/05/2014	KTVLTL, PHCN	
467.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/10/1983	Nhân viên	ĐD ĐH	008603/HP-CCHN 06/01/2016	ĐDTH	
468.	Nguyễn Thị Đan Phượng	17/5/1976	Điều dưỡng trưởng khoa Mắt	ĐD ĐH	004216/HP-CCHN 16/02/2014	CNCĐĐD	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
469.	Bùi Thị Thu Trang	30/09/1982	Nhân viên	ĐD ĐH	003694/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐĐĐH	
470.	Vũ Thị Hải Hà	6/4/1978	Nhân viên	CĐ ĐD	004214/HP-CCHN 16/02/2014	CNCĐĐD	Điều dưỡng
471.	Lương Thị Phương Anh	25/10/1989	Nhân viên	CĐ ĐD	004578/HP-CCHN 07/03/2014	CNCĐĐD	
472.	Nguyễn Tố Uyên	2/5/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	008372/HP-CCHN 21/12/2015	CNCĐĐD	
473.	Nguyễn Thị Thùy Dương	30/9/1990	Nhân viên	CĐ ĐD	008767/HP-CCHN 12/03/2016	CNCĐĐD	
474.	Hoàng Khánh Thuy	23/08/1985	Nhân viên	CĐ ĐD	002906/HP-CCHN 04/12/2013	ĐDTH	
475.	Trương Thị Ngọc Hà	23/06/1980	Nhân viên	CĐ ĐD	004265/HP-CCHN 24/02/2014	ĐDTH	
476.	Ngô Hồng Liên	25/11/1988	Nhân viên	CĐ ĐD	002907/HP-CCHN 04/12/2013	ĐDTH	
477.	Vũ Thị Nguyệt	8/2/1983	Nhân viên	CĐ ĐD	004215/HP-CCHN 16/02/2014	ĐDTH	
478.	Đoàn Vĩnh Long	29/09/1989	Nhân viên	CĐ ĐD	002920/HP-CCHN 04/12/2013	ĐDTH	
479.	Nguyễn Thị Thu Trang	10/8/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	003728/HP-CCHN 10/01/2014	ĐDTH	
480.	Trịnh Hồng Nhung	5/11/1991	Nhân viên	CĐ ĐD	004218/HP-CCHN 16/02/2014	ĐDTH	
481.	Vũ Thị Tuyền	17/2/1990	Nhân viên	CĐ ĐD	008371/HP-CCHN 21/12/2015	ĐDTH	
482.	Nguyễn Thị Kim Dung	02/2/1983	Nhân viên	CĐ ĐD	001807/HP-CCHN 13/04/2017	ĐDTH	
483.	Đặng Thùy Linh	07/05/1995	Nhân viên	CĐ ĐD	011887/HP-CCHN 31/08/2020	ĐDCĐ	
484.	Phan Thị Hào	13/3/1969	Điều dưỡng trưởng khoa TMH	Cử nhân điều dưỡng	004586/HP-CCHN 07/03/2014	CNĐĐĐH	
485.	Nguyễn Thị Thu Hà	14/06/1979	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003727/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐĐĐH	
486.	Nguyễn Thị Thu Hà	7/11/1981	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006189/HP-CCHN 07/07/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
487.	Dương Thị Thu Hoài	12/7/1990	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	006669/HP-CCHN 01/12/2014	ĐDTH	Điều dưỡng
488.	Vũ Thị Thu Thủy	02/05/1997	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011930/HP-CCHN 09/10/2020	ĐDCĐ	
489.	Phạm Thị Tuyết	16/6/1989	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	004589/HP-CCHN 07/03/2014	ĐDTH	
490.	Nguyễn Thị Hồng Luân	7/4/1990	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	004588/HP-CCHN 07/03/2014	ĐDTH	
491.	Phạm Hải Phương	12/6/1992	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	008381/HP-CCHN 21/12/2015	ĐDTH	
492.	Nguyễn Thị Thảo Ngân	14/4/1996	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	010365/HP-CCHN 18/04/2018	ĐDTH	
493.	Đỗ Ngọc Anh	26/05/1988	Điều dưỡng trưởng khoa RHM	Thạc sĩ- CNDD	003725/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐDDH	
494.	Đỗ Thị Lan Anh	08/02/1982	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003801/HP-CCHN 10/02/2014	CNĐDDH	
495.	Bùi Thị Thu Huyền	30/08/1985	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003734/HP-CCHN 10/01/2014	CNĐDDH	
496.	Nguyễn Thu Phương	18/10/1994	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	010026/HP-CCHN 26/09/2017	CNĐDDH nha	
497.	Phạm Thị Thu	12/6/1979	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	001083/HP-CCHN 21/11/2012	dịch vụ y tế	
498.	Nguyễn Thị The	03/9/1991	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011677/HP-CCHN 19/06/2020	ĐDCĐ	
499.	Nguyễn Minh Hằng	03/01/1997	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	011300/HP-CCHN 06/01/2020	ĐDCĐ	
500.	Vũ Thị Hồng Mai	10/4/1972	Điều dưỡng trưởng khoa PHCN	Cử nhân điều dưỡng	002901/HP-CCHN 04/12/2013	CNKT KTV PHCN	Điều dưỡng
501.	Đỗ Thị Thu Hà	1/2/1979	Nhân viên	Cử nhân điều dưỡng	003729/HP-CCHN 10/01/2014	ĐDTH	
502.	Nguyễn Thị Hường	11/12/1988	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	004583/HP-CCHN 07/03/2014	ĐDTH, KTV PHCN	
503.	Trần Tiến Dũng	14/7/1989	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	002900/HP-CCHN 04/12/2013	ĐDCĐ/KTV PHCN	
504.	Phạm Thị Thanh Thủy	22/3/1989	Nhân viên	Cao đẳng điều dưỡng	008341/HP-CCHN 21/12/2015	ĐDCĐ/KTV PHCN	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
505.	Vũ Đức Thịnh	02/9/1986	Nhân viên	Cao đẳng VLTL	004572/HP-CCHN 07/03/2014	KTVCD	KT Y PHCN
506.	Hứa Thị Quỳnh Như	18/2/1989	Nhân viên	ĐH VLTL	002898/HP-CCHN 04/12/2013	KTVĐH	
507.	Nguyễn Thị Lan Anh	16/12/1990	Nhân viên	Cao đẳng VLTL	005745/HP-CCHN 18/05/2014	KTV CDVLTL	
508.	Nguyễn Văn Báu	30/10/1980	Nhân viên	CKI PHCN	004225/HP-CCHN 24/02/2014	KTV ĐHVLT	
509.	Hồ Hoàng Hiệp	09/5/1990	Nhân viên	Cao đẳng VLTL	004518/HP-CCHN 05/03/2014	KTV VLTL PHCN	
510.	Nguyễn Thị Hồng Anh	9/11/1989	Nhân viên	Cao đẳng VLTL	002904/HP-CCHN 04/12/2013	KTV VLTL PHCN	
511.	Nguyễn Văn Tiến	18/02/1987	Nhân viên	Cao đẳng VLTL	009903/HP-CCHN 04/08/2017	KTVTH PHCN	
512.	Nguyễn Hải An	9/12/1994	Nhân viên	KTV ĐH	010299/HP-CCHN 12/02/2018	KTVĐH	
513.	Nguyễn Doãn Hiếu	17/10/1994	Nhân viên	KTV CD	010588/HP-CCHN 23/07/2018	KTVCD	
514.	Nguyễn Mạnh Cường	06/04/1996	Nhân viên	KTV CD	011486/HP-CCHN 19/03/2020	KTVCD	
515.	Đồng Xuân Nam	06/08/1997	Nhân viên	KTV ĐH	011905/HP-CCHN 23/09/2020	KTVĐH	
516.	Mã Thị Hiệu	10/9/1989	Nhân viên	ĐH VLTL	006818/HP-CCHN 15/01/2015	KTV Vật lý trị liệu	
517.	Hoàng Văn Phóng	4/5/1965	GĐ Trung tâm HHTM	Tiến sĩ-Bác sĩ	000799/HP-CCHN 28/01/2019	Xét nghiệm/HHTM	BS CK Huyết học- Truyền máu; BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
518.	Nguyễn Thị Thu Hiền	5/2/1971	PGĐ Trung tâm HHTM	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	004209/HP-CCHN 16/02/2014	Huyết học truyền máu	
519.	Nguyễn Thị Thu Trang	9/11/1978	PGĐ Trung tâm HHTM	Thạc sĩ-Bác sĩ	004224/HP-CCHN 24/02/2014	Huyết học truyền máu	
520.	Phạm Thị Nhật	01/8/1991	Nhân viên	Bác sĩ CKI	010280/HP-CCHN 02/02/2018	Huyết học truyền máu	
521.	Vũ Thị Như Quỳnh	15/9/1982	Phó Trưởng khoa XN An Đông	Bác sĩ CKI	005480/HP-CCHN 29/04/2014	Huyết học truyền máu	
522.	Nguyễn Minh Nguyệt	23/12/1991	Nhân viên	Bác sĩ	045221/BYT-CCHN 30/03/2021	Chuyên khoa Xét nghiệm Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
523.	Đỗ Ngọc Hải	12/1/1980	Trưởng khoa XNĐK	Tiến sĩ- Bác sĩ	004486/HP-CCHN 03/03/2014	Hóa sinh	BS CK Hóa sinh; BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
524.	Nguyễn Thị Như Ái	7/1/1976	Phó Trưởng khoa Hoá sinh	Thạc sĩ-Bác sĩ CKII	004485/HP-CCHN 03/03/2014	XN Hóa sinh	BS CK Hóa sinh; BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
525.	Lâm Văn Xuân	14/5/1991	Nhân viên	Bác sĩ	010784/HP-CCHN 18/12/2018	Hóa sinh	
526.	Bùi Thị Tuyết Anh	22/3/1983	Nhân viên	Bác sĩ	009257/HP-CCHN 26/09/2016	XN Hóa sinh	
527.	Đỗ Giang Thanh	22/10/1993	Nhân viên	Bác sĩ	012244/HP-CCHN 10/05/2021	Hóa sinh	
528.	Trần Đức	4/9/1973	Trưởng khoa Vi Sinh	Tiến sĩ-Bác sĩ	000574/HP-CCHN 27/08/2012	Vi sinh (XN)	BS CK Vi sinh; BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
529.	Lại Thị Quỳnh	2/7/1976	Phó Trưởng khoa Vi Sinh	Thạc sĩ-Bác sĩ	005890/HP-CCHN 02/06/2014	Vi sinh (XN)	
530.	Nguyễn Trường Giang	16/12/1977	Trưởng khoa GPB	Tiến sĩ-Bác sĩ	006653/HP-CCHN 01/12/2014	CK XN GPB	BS CK GPB và Tế bào học; BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
531.	Đặng Thị Loan	06/8/1988	Nhân viên	Bác sĩ CKI	009843/HP-CCHN 06/07/2017	Giải phẫu bệnh	
532.	Phạm Duy Bách	22/9/1992	Nhân viên	Bác sĩ	011497/HP-CCHN 10/04/2020	Giải phẫu bệnh	
533.	Đào Thị Hương	07/02/1987	Nhân viên khoa XN An Đông	Bác sĩ CKI	010281/HP-CCHN 02/02/2018	Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học	
534.	Nguyễn Thị Bích Thủy	23/11/1983	KTV Trưởng Trung tâm HHTM	KTV ĐH	008952/HP-CCHN 12/05/2016	KTVĐH XN	KT Y xét nghiệm y học
535.	Nguyễn Hải Yến	19/5/1984	Nhân viên	KTV ĐH	004842/HP-CCHN 24/03/2014	KTVĐH XN	
536.	Phạm Quốc Huy	17/8/1995	Nhân viên	KTV ĐH	011033/HP-CCHN 14/06/2019	KTVĐH Xét nghiệm	
537.	Bùi Đức Nam	01/07/1996	Nhân viên	KTV ĐH	011932/HP-CCHN 09/10/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	
538.	Trần Thị Bích Trang	20/10/1995	Nhân viên	KTV ĐH	011894/HP-CCHN 31/08/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	
539.	Trần Thị Thu Hà	25/7/1996	Nhân viên	KTV ĐH	012110/HP-CCHN 29/12/2020	CK xét nghiệm	
540.	Đoàn Thị Yến	20/11/1974	Nhân viên	KTV CĐ	004465/HP-CCHN 03/03/2014	KTVCD XN	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
541.	Nguyễn Văn Trọng	25/6/1988	Nhân viên	KTV CD	008384/HP-CCHN 21/12/2015	KTVTH XN	
542.	Lê Ngọc Quý	31/10/1989	Nhân viên	KTV CD	009904/HP-CCHN 04/08/2017	KTVTH XN	KT Y xét nghiệm y học
543.	Nguyễn Duy Hưng	26/5/1994	Nhân viên	KTV CD	010097/HP-CCHN 16/10/2017	KTVTH XN	
544.	Nguyễn Văn Hưng	20/12/1998	Nhân viên	KTV CD	012274/HP-CCHN 10/06/2021	KTV Xét nghiệm	
545.	Nguyễn Thị Bảo Hà	7/3/1983	Nhân viên khoa Hóa sinh	Bác sĩ CKI	005887/HP-CCHN 02/06/2014	Xét nghiệm	BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
546.	Phạm Khắc Tùng	10/12/1982	KTV Trưởng khoa Hoá sinh	Thạc sĩ Hóa sinh	008229/HP-CCHN 26/11/2015	CK Xét nghiệm	KT Y xét nghiệm y học
547.	Nguyễn Thị Mai Hương	16/11/1983	Nhân viên	Thạc sĩ Hóa sinh	006362/HP-CCHN 20/08/2014	KTVĐH Xét nghiệm	
548.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/12/1994	Nhân viên	KTV ĐH	010946/HP-CCHN 09/04/2019	CK xét nghiệm	
549.	Nguyễn Văn Khang	22/12/1978	Nhân viên	KTV ĐH	004469/HP-CCHN 30/07/2021	Chuyên khoa xét nghiệm	
550.	Nguyễn Việt Hoàng	16/11/1991	Nhân viên	KTV ĐH	007124/HP-CCHN 07/07/2015	CN XNYH	
551.	Vũ Thế Anh	4/8/1992	Nhân viên	KTV CD	008811/HP-CCHN 10/04/2016	KTVTH XN	
552.	Lê Đức Cường	01/12/1995	Nhân viên	KTV CD	010244/HP-CCHN 09/01/2018	KTVTH	
553.	Nguyễn Thị Dinh	08/6/1987	Nhân viên	KTV CD	002161/HP-CCHN 18/09/2013	KTVCD(CMKT)	
554.	Đỗ Thị Hồng Anh	12/2/1995	Nhân viên	KTV CD	010186/HP-CCHN 20/11/2017	KTVCD XN	
555.	Lương Thu Hải Trang	20/02/1995	Nhân viên	KTV CD	011176/HP-CCHN 30/09/2019	CNXXN	
556.	Bùi Thị Thanh Thùy	02/11/1991	Nhân viên	KTV CD	009077/HP-CCHN 01/07/2016	Xét nghiệm	
557.	Nguyễn Thị Hoàng	06/8/1987	Nhân viên	KTV CD	002858/HP-CCHN 30/11/2013	Xét nghiệm	
558.	Lê Thị Hường	10/3/1991	Nhân viên khoa Vi sinh	Bác sĩ	011283/HP-CCHN 27/11/2019	Chuyên khoa Xét nghiệm	BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
559.	Ngô Thu Hoài	13/7/1983	KTV Trưởng khoa Vi Sinh	KTV ĐH	006267/HP-CCHN 27/10/2020	Cử nhân xét nghiệm y học	KT Y xét nghiệm y học
560.	Bùi Thị Thư	19/11/1989	Nhân viên	Kỹ thuật viên	002587/HP-CCHN 27/10/2020	Cử nhân xét nghiệm y học	KT Y xét nghiệm y học
561.	Phạm Thanh Tùng	25/12/1982	Nhân viên	KTV ĐH	008253/HP-CCHN 09/01/2018	Chuyên khoa xét nghiệm	
562.	Đặng Thị Giang	29/3/1986	Nhân viên	KTV ĐH	006283/HP-CCHN 09/01/2018	Chuyên khoa xét nghiệm	
563.	Đặng Thị Thanh Hoa	17/11/1988	Nhân viên	KTV ĐH	006263/HP-CCHN 10/11/2020	Cử nhân xét nghiệm y học	
564.	Nguyễn Thị Trang	01/10/1991	Nhân viên	KTV ĐH	008419/HP-CCHN 21/12/2015	KTVĐH XN	
565.	Lê Thị Trang	05/10/1992	Nhân viên	KTV ĐH	008888/HP-CCHN 30/07/2021	Xét nghiệm	
566.	Nguyễn Thị Hồng	04/11/1991	Nhân viên	KTV CĐ	005945/HP-CCHN 20/04/2014	KTVCD XN	
567.	Hoàng Thị Dung	24/10/1988	Nhân viên	KTV CĐ	001819/HP-CCHN 25/07/2013	KTVTH XN	
568.	Trịnh Văn Mừng	14/01/1980	KTV Trưởng khoa GPB	KTV ĐH	001744/HP-CCHN 20/06/2013	CN KTYH	
569.	Nguyễn Thị Tuyết	12/12/1988	Nhân viên	KTV CĐ	008599/HP-CCHN 06/01/2016	KTVCD XN	
570.	Bùi Hữu Lập	13/11/1990	Nhân viên	KTV CĐ	007477/HP-CCHN 15/10/2015	KTVCD XN	
571.	Phạm Thị Thủy	21/5/1989	Nhân viên	KTV CĐ	004453/HP-CCHN 03/03/2014	KTVCD XN	
572.	Hoàng Thị Loan	22/8/1976	Phó Trưởng khoa XNĐK	Bác sĩ CKI	001324/HP-CCHN 17/04/2012	CK XN	BS y khoa; BS YHDP; KT Y xét nghiệm y học
573.	Hoàng Văn Tiệp	04/9/1983	KTV trưởng Khoa XNĐK	Cử nhân xét nghiệm	006363/HP-CCHN 20/08/2014	KTVĐH XN	KT Y xét nghiệm y học
574.	Trần Văn Hạnh	03/5/1995	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	011751HP-CCHN 14/07/2020	CĐ xét nghiệm	
575.	Trần Thị Thu Hằng	24/5/1970	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	005495/HP-CCHN 29/04/2014	KTVĐH XN	
576.	Đào Trọng Hải	06/6/1973	Nhân viên	CKI xét nghiệm	005417/HP-CCHN 20/04/2014	KTVĐH XN	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
577.	Lê Thị Lan Anh	09/02/1985	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	005481/HP-CCHN 29/04/2014	KTVCD XN	KT Y xét nghiệm y học
578.	Nguyễn Thị Thanh Lương	02/12/1984	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	008388/HP-CCHN 21/12/2015	KTVCD XN	
579.	Phạm Thị Thảo	19/1/1991	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	009316/HP-CCHN 26/09/2016	KTVĐH XN	
580.	Phí Thị Hạnh	05/1/1984	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	006149/HP-CCHN 27/10/2020	Cử nhân xét nghiệm	
581.	Trần Thị Kim Oanh	14/02/1986	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	008613/HP-CCHN 06/01/2016	CNXN YH	
582.	Nguyễn Thị Hương Thảo	24/3/1994	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	011177/HP-CCHN 30/09/2019	CN Xét nghiệm	
583.	Bùi Thị Chang	06/5/1993	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	010611/HP-CCHN 10/08/2018	KTVCD	
584.	Đồng Thị Nhật Anh	19/02/1997	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	011803/HP-CCHN 28/07/2020	CD xét nghiệm	
585.	Mạc Văn Cương	17/6/1993	Nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	0006701/HD-CCHN 05/07/2016	KTVCD XN	
586.	Trình Thị Hải Yến	22/10/1997	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	011840/HP-CCHN 12/08/2020	Cử nhân xét nghiệm	
587.	Nguyễn Thị Hằng	05/3/1997	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	011804/HP-CCHN 28/07/2020	Cử nhân xét nghiệm	
588.	Phạm Thị Hằng	16/10/1996	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	011752/HP-CCHN 14/07/2020	Cử nhân xét nghiệm	
589.	Dương Minh Hiếu	29/4/1993	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	010785/HP-CCHN 18/12/2018	KTVĐH	
590.	Đặng Thị Nguyên	01/01/1989	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	004497/HP-CCHN 30/07/2021	CK xét nghiệm	
591.	Lê Thị Hòa	15/8/1984	Nhân viên	Cử nhân xét nghiệm	008617/HP-CCHN 06/01/2016	KTV CDXN, CN XN	
592.	Vũ Văn Hùng	9/8/1993	KTV Trưởng khoa XN An Đông	Cử nhân xét nghiệm	000944/HP-CCHN 13/04/2017	CN XN	
593.	Vũ Thị Thu Hà	08/01/1983	Nhân viên	KTV ĐH	006285/HP-CCHN	Cử nhân xét nghiệm	
594.	Đào Thế Tùng	18/8/1997	Nhân viên	KTV ĐH	012138/HP-CCHN 04/02/2021	Chuyên khoa xét nghiệm	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
595.	Nguyễn Huy Hoàng	12/03/1995	Nhân viên	KTV ĐH	011931/HP-CCHN 09/10/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	
596.	Nguyễn Yến Hoa	02/4/1996	Nhân viên	KTV CĐ	011199/HP-CCHN 16/10/2019	KTVCD	KT Y xét nghiệm y học
597.	Nguyễn Thị Hồng Xâm	17/5/1989	Nhân viên	KTV CĐ	005744/HP-CCHN 18/05/2014	KTVCD XN	
598.	Hoàng Thị Trang	14/2/1992	Nhân viên	KTV CĐ	005762/HP-CCHN 18/05/2014	KTVTH XN	
599.	Lê Trọng Tâm	17/10/1990	Nhân viên	KTV CĐ	008386/HP-CCHN 21/12/2015	KTVTH XN	
600.	Nguyễn Đức Hùng	16/12/1987	Nhân viên	KTV CĐ	006154/HP-CCHN 07/07/2014	KTVTH XN	
601.	Nguyễn Huy Hoàng	12/03/1995	Nhân viên	KTV ĐH	011931/HP-CCHN 09/10/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	
602.	Nguyễn Yến Hoa	02/4/1996	Nhân viên	KTV CĐ	011199/HP-CCHN 16/10/2019	KTVCD	
603.	Đào Thế Tùng	18/8/1997	Nhân viên	KTV ĐH	012138/HP-CCHN 04/02/2021	Chuyên khoa xét nghiệm	
604.	Trương Trung Kiên	09/2/1991	Nhân viên	KTV ĐH	005414/HP-CCHN 30/07/2021	CK xét nghiệm	
605.	Nguyễn Thị Thu Hà	9/9/1977	Phó Trưởng khoa CDHA	Bác sĩ CKI	000290/HP-CCHN 29/06/2012	CDHA	BS CK Điện quang (CDHA); BS y khoa; BS YHDP; KT Y hình ảnh y học
606.	Phạm Đức Sơn	2/2/1981	Phó Trưởng khoa CDHA	Bác sĩ CKI	007228/HP-CCHN 11/09/2015	Điện quang	
607.	Vũ Duy Thịnh	28/9/1983	Nhân viên	Bác sĩ CKI	005382/HP-CCHN 20/04/2014	CDHA	
608.	Nguyễn Thị Hải Liên	30/11/1979	Nhân viên	Bác sĩ CKI	005897/HP-CCHN 02/06/2014	Điện quang	
609.	Vũ Trung Toàn	6/8/1989	Nhân viên	Bác sĩ CKI	008224/HP-CCHN 26/11/2015	Điện quang	
610.	Nguyễn Đức Huy	11/12/1991	Nhân viên	Bác sĩ	010821/HP-CCHN 28/01/2019	CDHA	
611.	Nguyễn Thị Linh	30/6/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011171/HP-CCHN 30/09/2019	CDHA	
612.	Nguyễn Tiến Thịnh	25/12/1993	Nhân viên	Bác sĩ CKI	011170/HP-CCHN 30/09/2019	CDHA	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
613.	Tạ Thị Mai Dung	4/12/1981	Nhân viên	Bác sĩ CKI	002642/HP-CCHN 07/11/2013	Điện quang	
614.	Nguyễn Xuân Bách	19/3/1992	Nhân viên	Bác sĩ CKI	012073/HP-CCHN 10/12/2020	Chuyên khoa CDHA	BS CK Điện quang (CDHA); BS y khoa; BS YHDP; KT Y hình ảnh y học
615.	Nguyễn Khánh Huyền	14/10/1994	Nhân viên	Bác sĩ CKI	012042/HP-CCHN 27/11/2020	Chuyên khoa CDHA	
616.	Nguyễn Thị Hải Yến	05/02/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012060/HP-CCHN 10/12/2020	Chuyên khoa CDHA	
617.	Nguyễn Thị Minh Nhã	24/4/1979	Nhân viên	Bác sĩ CKI	003155/HP-CCHN 17/12/2013	Nội khoa, chẩn đoán hình ảnh	
618.	Đỗ Thị Hồng Trang	12/2/1985	Nhân viên	Bác sĩ CKI	006288/HP-CCHN 30/07/2014	CDHA	
619.	Trần Thị Thu Hiền	20/04/1993	Nhân viên	Bác sĩ	012175/HP-CCHN 11/03/2021	CDHA	
620.	Đinh Xuân Thắng	04/02/1994	Nhân viên	Bác sĩ	012183/HP-CCHN 11/03/2021	Chuyên khoa CDHA	
621.	Lê Thanh Hải	17/01/1992	Khoa CDHA cơ sở An Đông	Bác sĩ	0006281/HD-CCHN 14/11/2017	Chẩn đoán hình ảnh	
622.	Bùi Hữu Nghĩa	08/01/1974	KTV Trưởng khoa CDHA	Thạc sĩ- KTV ĐH	005368/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học	KT Y hình ảnh y học
623.	Lê Ngọc Hải	26/5/1983	Nhân viên	KTV ĐH	005385/HP-CCHN 20/04/2014	KTVĐH	
624.	Nguyễn Trọng Chính	15/7/1990	Nhân viên	KTV ĐH	008391/HP-CCHN 21/12/2015	KTV CDHA	
625.	Nguyễn Anh Đức	12/7/1984	Nhân viên	KTV ĐH	005401/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học	
626.	Lê Trác Dương	30/8/1984	Nhân viên	KTV ĐH	004810/HP-CCHN 24/03/2014	KTV chụp X quang,	
627.	Hoàng Hải	12/7/1985	Nhân viên	KTV ĐH	005387/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học	
628.	Nguyễn Bá Hạnh	25/5/1984	Nhân viên	KTV CD	003898/HP-CCHN 22/10/2018	KTV CDHA	
629.	Bùi Đức Ngọt	1/6/1970	Nhân viên	KTV CD	005378/HP-CCHN 20/04/2014	KTV CDHA	
630.	Lê Hồng Hiệp	22/01/1990	Nhân viên	KTV CD	008389/HP-CCHN 21/12/2015	KTV CDHA	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh/ Chức vụ/ Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số, ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn (theo CCHN)	Đối tượng hướng dẫn thực hành
631.	Nguyễn Mạnh Cường	6/6/1991	Nhân viên	KTV CĐ	008390/HP-CCHN 21/12/2015	KTV CĐHA	
632.	Đổng Đức Tư	20/07/1979	Nhân viên	KTV CĐ	005377/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học	KT Y hình ảnh y học
633.	Ngô Văn Quyết	4/6//1985	Nhân viên	KTV CĐ	005388/HP-CCHN 20/04/2014	KTV chụp X quang, CĐHA	
634.	Nguyễn Khắc Vượng	29/09/1989	Nhân viên	KTV CĐ	005389/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học, chụp X quang	
635.	Nguyễn Văn Tuyền	6/4/1987	Nhân viên	KTV CĐ	006969/HP-CCHN 20/03/2015	KTV X quang, CĐHA	
636.	Hoàng Công Anh	15/01/1996	Nhân viên	KTV CĐ	011563/HP-CCHN 13/05/2020	KTV hình ảnh y học	
637.	Nguyễn Hoàng Vũ	14/01/1996	Nhân viên	KTV CĐ	0008131/HD-CCHN 23/09/2019	KTV CĐ hình ảnh y học	
638.	Phạm Duy Đức	22/3/1994	Nhân viên	KTV CĐ	010660/HP-CCHN 18/09/2018	KTV chẩn đoán hình ảnh	
639.	Nguyễn Đức Tinh	29/6/1975	Khoa CĐHA cơ sở An Đồng	KTV ĐH	005493/HP-CCHN 29/04/2014	KTV CĐHA, chụp X quang	
640.	Nguyễn Tiến Dũng	29/8/1983	Nhân viên	KTV CĐ	005494/HP-CCHN 29/04/2014	KTV X quang, CĐHA	
641.	Bùi Huy Hoàng	15/9/1987	Nhân viên	KTV CĐ	005381/HP-CCHN 20/04/2014	KTV hình ảnh y học, chụp X quang	
642.	Nguyễn Tuấn Khang	30/8/1997	Nhân viên	KTV CĐ	011842/HP-CCHN 12/08/2020	KTV CĐ hình ảnh y học	
643.	Trần Tiến	20/04/1992	Nhân viên	KTV CĐ	010155/HP-CCHN 08/11/2017	KTV CĐHA	
644.	Trần Thị Bích Thùy	30/01/1980	Trưởng khoa Dinh dưỡng	Thạc sĩ CK Dinh dưỡng	000656/HP-GPHN 21/04/2025	Chuyên khoa Dinh dưỡng	BS CK Dinh dưỡng; CN Dinh dưỡng

Phụ lục 2
**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ
TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**
(Kèm theo Bản công bố số: /BCB-BVVT ngày / /2025)

Stt	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Số lượng tiếp nhận (người)	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/tháng)
1	Bác sỹ y khoa	12	90	1.500.000 đồng/tháng/ người thực hành hoặc thỏa thuận theo hợp đồng thực hành
2	Bác sĩ y học dự phòng	12	10	
3	Bác sỹ y học cổ truyền	12	20	
4	Bác sỹ Răng hàm mặt	12	30	
5	Y sỹ đa khoa	09	10	
6	Y sỹ y học cổ truyền	09	10	
7	Điều dưỡng	06	80	
8	Hộ sinh	06	10	
9	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	06	30	
10	Kỹ thuật y hình ảnh y học	06	30	
11	Kỹ thuật y phục hồi chức năng	06	30	
12	Bác sĩ, CN Dinh dưỡng	09 hoặc 06	05	
13	Bác sỹ CK Hồi sức cấp cứu	09 hoặc 12	20	
14	Bác sĩ CK Nội khoa	09 hoặc 12	50	
15	Bác sỹ CK Da liễu	09 hoặc 12	30	
16	Bác sỹ Gây mê Hồi sức	09 hoặc 12	30	
17	Bác sỹ CK Ngoại khoa	09 hoặc 12	50	
18	Bác sỹ CK Ung Bướu	09 hoặc 12	30	
19	Bác sỹ CK Mắt	09 hoặc 12	10	
20	Bác sỹ CK Tai mũi họng	09 hoặc 12	30	
21	Bác sỹ CK PHCN	09 hoặc 12	20	

Stt	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Số lượng tiếp nhận (người)	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/tháng)
22	Bác sỹ CK Điện Quang (CĐHA)	09 hoặc 12	30	1.500.000 đồng/tháng/ người thực hành hoặc thỏa thuận theo hợp đồng thực hành
23	Bác sỹ CK Huyết học- Truyền máu	09 hoặc 12	20	
24	Bác sỹ CK Hóa sinh	09 hoặc 12	20	
25	Bác sỹ CK Vi sinh- KST	09 hoặc 12	10	
26	Bác sỹ CK GPB và Tế bào học	09 hoặc 12	15	
27	Bác sỹ CK Tạo hình-Thẩm mỹ	09 hoặc 12	15	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3

BẢNG THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: /BCB-BVVT ngày / /2025)

[illegible]

Phụ lục 3
BẢNG THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số: /BCB-BVVT ngày / /2025)

Đơn vị tính: Tháng

Stt	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hồi sức cấp cứu	Nội khoa	Da liệu	Gây mê hồi sức	Ngoại khoa	Ung Bướu	Mắt	Tai mũi họng	PHCN	CDHA	HHTM	Hóa sinh	Vi sinh	GPB	PT tạo hình (ngoại)
1.	Bác sỹ CK Hồi sức cấp cứu	12	12														
		9	9														
2.	Bác sỹ CK Nội khoa	12	3	9													
		12		12													
		9		9													
3.	Bác sỹ CK Da liễu	12	3		9												
		12			12												
		9			9												
4.	Bác sỹ CK Gây mê hồi sức	12	3			9											
		12				12											
		9				9											
5.	Bác sỹ CK Ngoại khoa	12	3				9										
		12					12										
		9					9										
6.	Bác sỹ CK Ung Bướu	12	3					9									
		12						12									
		9						9									
7.	Bác sỹ CK Mắt	12	3						9								

[illegible]

Số: /QĐ-BVVT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh
đối với các chức danh chuyên môn (sửa đổi, bổ sung)
tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023
của Quốc hội khóa XV;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi
tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Bệnh
viện Hữu nghị Việt Tiệp giai đoạn 2023-2025;*

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ **Chương trình đào tạo thực
hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn (sửa đổi, bổ
sung)** ” tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

Điều 2. Các khoa, phòng, viên chức được phân công giảng dạy thực hành
chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung hướng dẫn thực hành ban hành
kèm theo quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế “ **Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các chức danh chuyên môn** ” tại Quyết định số 1943/QĐ-BVVT ngày 27/5/2025 .

Điều 4. Các khoa, phòng, trung tâm Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TTĐTCĐT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Mạnh Thắng

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVVT ngày / /2025
của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ y khoa, bác sỹ đa khoa bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y khoa, bác sỹ đa khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	1 tháng
7	Mắt	Khoa Mắt	0.5 tháng
8	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	0.5 tháng
9	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	0.5 tháng
10	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0.5 tháng
11	Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần	0.5 tháng
12	Da liễu	Khoa Da Liễu	0.5 tháng
13	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0.5 tháng
14	Xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y học dự phòng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y học dự phòng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sỹ Y học dự phòng phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa Cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội	1.5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Phụ Sản	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Nhi	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	1 tháng
7	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0.5 tháng
8	Mắt	Khoa Mắt	0.5 tháng
9	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	0.5 tháng
10	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	0.5 tháng
11	Da liễu	Khoa Da Liễu	0.5 tháng
12	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0.5 tháng
13	Xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện/Trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện/Trung tâm.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ

Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học cổ truyền.

- Người có văn bằng cử nhân y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y học cổ truyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	4.5 tháng
3	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	1 tháng
4	Nội khoa	Khoa Nội	1 tháng
5	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	0.5 tháng
6	Mắt	Khoa Mắt	0.5 tháng
7	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	0.5 tháng
8	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	0.5 tháng
9	Da liễu	Khoa Da Liễu	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

1. Đối tượng thực hành

1.1. Người có văn bằng bác sỹ răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ răng hàm mặt.

1.2. Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

1.3. Bác sỹ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc Thạc sỹ chuyên ngành Răng hàm mặt nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

1.4. Bác sỹ đã có bằng Thạc sỹ, Tiến sỹ chuyên khoa Răng hàm mặt tại các cơ sở đào tạo nước ngoài nhưng chưa có giấy phép hành nghề phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

1.5. Bác sỹ đã có Giấy phép hành nghề có bằng CKI hoặc CKII hoặc Thạc sỹ chuyên ngành Răng hàm mặt nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

1.6. Bác sỹ đã có Giấy phép hành nghề có bằng Thạc sỹ, Tiến sỹ chuyên khoa Răng hàm mặt tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành 12 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

1.7. Bác sỹ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa Răng hàm mặt cơ bản (09 tháng đào tạo chuyên khoa cơ bản) phải thực hành 09 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

1.8. Bác sỹ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa Răng hàm mặt cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Răng hàm mặt.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng hoặc 9 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.
- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.
- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.
- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.
- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.
- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.
- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Răng hàm mặt phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

4.1. Đối tượng thực hành tại mục 1.1; 1.2; 1.3; 1.4 và 1.8

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.2. Đối tượng thực hành tại mục 1.5 và 1.6

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	12 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.3. Đối tượng thực hành tại mục 1.7

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp điều dưỡng.

- Người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Điều dưỡng: Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều dưỡng, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc điều dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Thực hành chăm sóc Điều dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn và giáo dục sức khỏe.

Phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh: tham gia các hoạt động phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu điều dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực điều dưỡng.

2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: Hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

Mục tiêu nghề nghiệp của Điều dưỡng viên không chỉ đơn giản là hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân mà còn là xây dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để mang lại hiệu quả và an toàn tối đa cho bệnh nhân và cộng đồng.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	1 tháng
4	Mắt	Khoa Mắt	0.5 tháng
5	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	0.5 tháng
6	Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	0.5 tháng
7	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	0.5 tháng
8	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0.5 tháng
9	Da liễu	Khoa Da liễu	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HỘ SINH

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng trung cấp hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp hộ sinh.

- Người có văn bằng cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng hộ sinh.

- Người có văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Hộ sinh: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.2. Kỹ năng

Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc Hộ sinh theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.

Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.

Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: Luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc của hộ sinh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Trước sinh, trong sinh, sau sinh	Khoa Phụ sản	5 tháng
3	Phụ khoa, KHHGĐ		
4	Sơ sinh		
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ ĐA KHOA VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐA KHOA

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp y sỹ, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp y sỹ. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01/01/2027.

- Người có Văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa.

- Người có Văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sỹ đa khoa với phạm vi hành nghề đa khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với y sỹ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục X Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại	0.5 tháng
4	Nhi khoa	Khoa Nhi	0.5 tháng
5	Sản khoa	Khoa Phụ Sản	0.5 tháng
6	Mắt	Khoa Mắt	0.5 tháng
7	Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần	0.5 tháng
8	Răng Hàm mặt	Khoa Răng Hàm Mặt	0.5 tháng
9	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	0.5 tháng
10	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	0.5 tháng
11	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0.5 tháng
12	Da liễu	Khoa Da liễu	0.5 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH Y SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp y sỹ y học cổ truyền hoặc trung cấp y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp y sỹ y học cổ truyền. Các văn bằng này phải được cấp trước ngày 01/01/2027.

- Người có Văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng y sỹ y học cổ truyền hoặc cao đẳng y học cổ truyền.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 9 tháng đối với chức danh Y sỹ Y học cổ truyền với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền cần đạt được:

2.1. Kiến thức:

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thông thường.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với y sỹ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa nội	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa ngoại	0.5 tháng
4	Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	3.5 tháng
5	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	1 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IX. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học cần đạt được:

2.1 Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

2.2 Chuyên môn

Thực hiện các kỹ thuật ở các mức độ khác nhau về lĩnh vực hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ; siêu âm; ghi hình phóng xạ, xạ trị và trợ giúp bác sỹ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân.

Nắm vững các thông số kỹ thuật thiết bị và thực hiện thành thạo các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

X. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, được sĩ trình độ đại học (bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học) và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo tối thiểu 03 tháng do cơ sở đào tạo về kỹ thuật xét nghiệm y học cấp hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Nắm được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm, kiến thức cơ bản về hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

Nắm được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

Nắm được các quy trình vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục II Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Xét nghiệm Y học	Khoa Xét nghiệm	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

XI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân.

Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	1 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

XII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH DINH DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ DINH DƯỠNG LÂM SÀNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng cao đẳng dinh dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trước ngày 01/3/2025 tương đương văn bằng cao đẳng dinh dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân dinh dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân dinh dưỡng.

- Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản về Dinh dưỡng (09 tháng đào tạo chuyên khoa cơ bản) phải thực hành 09 tháng chuyên khoa Dinh dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Dinh dưỡng và 9 tháng đối với chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Dinh dưỡng lâm sàng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện sàng lọc, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng với chức danh chuyên môn.

2.2. Kỹ năng

- Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc dinh dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

- Thực hiện thành thạo kỹ năng sàng lọc, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng với chức danh chuyên môn

- Thực hành kỹ thuật dinh dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật đánh giá dinh dưỡng, lập kế hoạch chế độ dinh dưỡng và tổ chức thực hiện quy trình dinh dưỡng.

- Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn hướng dẫn chế độ dinh dưỡng cho người bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

- Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu về dinh dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực dinh dưỡng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

4.1. Đối với đối tượng là Cử nhân và Cao đẳng dinh dưỡng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng	6 tháng
Tổng thời gian thực hành			06 tháng

4.2. Đối với đối tượng là Bác sĩ

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Dinh dưỡng lâm sàng	Khoa Dinh dưỡng	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện, hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

XIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA (THEO PHỤ LỤC)

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.2. Bác sĩ đã có bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) tại các cơ sở đào tạo nước ngoài nhưng chưa có giấy phép hành nghề phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.3. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề có bằng CKI hoặc CKII hoặc Thạc sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.4. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề có bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành 12 tháng chuyên khoa (theo văn bằng chuyên khoa).

1.5. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản (*theo phụ lục đính kèm*) đã có 09 tháng đào tạo chuyên khoa cơ bản phải thực hành 09 tháng chuyên khoa (theo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản).

1.6. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản (*theo phụ lục đính kèm*) nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa (theo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản).

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng hoặc 09 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa (*theo phụ lục đính kèm*) cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.
- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.
- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.
- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành:

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên khoa (*phụ lục đính kèm*) theo quy định tại Phụ lục V và Phụ lục IX Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

4.1. Đối tượng thực hành tại mục 1.1; 1.2 và 1.6

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực/ Khoa cấp cứu	3 tháng
2	Chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	Khoa lâm sàng chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.2. Đối tượng thực hành tại mục 1.3 và 1.4

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	Khoa lâm sàng chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	12 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

4.3. Đối tượng thực hành tại mục 1.5

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	Khoa lâm sàng chuyên khoa (<i>phụ lục đính kèm</i>)	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			09 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện/trung tâm.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CHUYÊN KHOA

*(Kèm theo Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với
chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa)*

1. Hồi sức cấp cứu và chống độc
2. Nội khoa
3. Da liễu
4. Gây mê hồi sức
5. Ngoại khoa
6. Ung bướu
7. Mắt
8. Tai Mũi Họng
9. Phục hồi chức năng
10. Điện Quang (CDHA)
11. Huyết học-Truyền máu
12. Hóa sinh
13. Vi sinh-Ký sinh trùng
14. Giải phẫu bệnh và tế bào học
15. Tạo hình thẩm mỹ